

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : LUẬT**

**Sinh viên : Nguyễn Văn Tuấn**

**HẢI PHÒNG – 2021**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: LUẬT**

**Sinh viên : Nguyễn Văn Tuấn**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Lê Thu Trang**

**HẢI PHÒNG – 2021**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Văn Tuấn

Mã SV: 1717905020

Lớp : PLH2101

Ngành : Luật

Tên đề tài: Phân chia di sản thừa kế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được khoá luận tốt nghiệp này em đã nhận được sự quan tâm và giúp đỡ của phía gia đình, bạn bè và đặc biệt là của cô giáo Th.S Lê Thu Trang. Em xin cảm ơn các thầy, cô tổ bộ môn Luật đã truyền dạy cho em những kiến thức khoa học cơ bản về bộ môn này để em có thể tự tin lựa chọn làm khoá luận tốt nghiệp. Em xin cảm ơn sâu sắc đến cô Lê Thu Trang đã tận tình giúp đỡ em, định hướng đề tài và hướng dẫn khoa học để em có thể hoàn thành tốt khoá luận tốt nghiệp của mình. Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến người thân và bạn bè đã luôn giúp đỡ em trong quá trình em nghiên cứu khoá luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **Danh mục các chữ viết tắt**

BLDS

: Bộ luật Dân sự

# MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	1
Danh mục các chữ viết tắt .....	5
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài:.....	8
1. Tình hình nghiên cứu đề tài: .....	8
2. Mục đích nghiên cứu đề tài: .....	10
3. Phạm vi nghiên cứu: .....	10
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu : .....	10
4.1.Cơ sở lý luận: .....	10
4.2.Phương pháp nghiên cứu: .....	10
5. Ý nghĩa của khoá luận: .....	10
6. Kết cấu của khoá luận: .....	11
CHƯƠNG 1 .....	12
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ.....	12
1.1. Khái niệm di sản.....	12
1.1.1. Khái niệm di sản.....	12
1.1.2 . Phân loại di sản .....	19
1.2. Khái niệm phân chia di sản thừa kế và hậu quả pháp lý .....	24
1.2.1. Khái niệm phân chia di sản thừa kế.....	24
1.2.2. Hậu quả pháp lý phân chia di sản thừa kế.....	25
1.3. Các căn cứ phân chia di sản thừa kế .....	26
1.3.1. Phân chia di sản thừa kế theo sự thỏa thuận của tất cả những người thừa kế .....	26
1.3.2 .Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật .....	27
1.3.3. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc.....	31
CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT DÂN SỰ HIỆN HÀNH VỀ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ .....	36
2.1. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc .....	<u>31</u>
2.1.1. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc trong trường hợp đã thanh toán các nghĩa vụ.....	31
2.1.2 .Phân chia di sản thừa kế theo tỷ lệ và các nghĩa vụ .....	40
2.1.3 Phân chia di sản thừa kế theo di chúc trong trường hợp người chết để lại di sản thờ cúng và di tặng.....	41
2.2. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật .....	48
2.2.1. Xác định những người hưởng thừa kế và suất thừa kế theo pháp luật.....	49
2.2.2. Phương thức phân chia di sản thừa kế.....	50

2.2.3. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có người thừa kế thế vị.....	52
2.3. Phân chia di sản thừa kế trong các trường hợp đặc biệt.....	53
2.3.1. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp người hưởng di sản thừa kế là thai nhi.....	53
2.3.2. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có người thừa kế mới.....	55
2.3.3. Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế.....	57
2.4. Hạn chế phân chia di sản thừa kế.....	58
<b>CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ.....</b>	<b>61</b>
3.1. Tình hình giải quyết các tranh chấp dân sự.....	61
3.2. Những bất cập còn tồn tại trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về phân chia di sản thừa kế.....	61
3.2.1. Áp dụng quy định về hình thức của thoả thuận phân chia di sản thừa kế.....	62
3.2.2. Bán di sản để chia theo quy định tại khoản 2 điều 660 BLDS 2015.....	64
3.2.3. Thời điểm chia di sản thừa kế.....	65
3.2.4. Về phạm vi chia di sản.....	66
3.3. Những kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về di sản và phân chia di sản thừa kế.....	66

## LỜI MỞ ĐẦU

### **1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài:**

Chế định thừa kế là một chế định được ghi nhận từ rất sớm trong pháp luật Việt Nam. Trải qua các chế độ xã hội khác nhau chế định thừa kế được ghi nhận trong pháp luật ở mỗi thời kì cũng có sự khác biệt. Chế định thừa kế được ghi nhận trong Bộ luật Hồng Đức ( năm 1483), Bộ luật Gia Long ( 1815), trong thời kì pháp thuộc có Bộ Dân luật Bắc kì( năm 1931) và bộ Dân luật Trung kì (năm 1936). Đặc biệt là sự ra đời của Bộ luật Dân sự 1995 và Bộ luật Dân sự 2005 đã đánh dấu một bước phát triển của pháp luật Việt Nam về thừa kế.

Cùng với sự phát triển của các quan hệ xã hội, sự phát triển của nền kinh tế thị trường, Bộ luật dân sự 1995 và Bộ luật dân sự 2005, Bộ luật dân sự 2015 đã phản ánh và ghi nhận sự phát triển của các mối quan hệ dân sự qua từng điều luật. Tuy nhiên các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp và có nhiều sự khác biệt vì vậy pháp luật vẫn chưa thể dự liệu được tất cả các tình huống có thể xảy ra trong thực tế. Pháp luật đôi khi còn tồn tại một cách “lạc hậu” so với những gì mà cuộc sống đang diễn ra. Vấn đề phân chia di sản thừa kế được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự 2015 còn có nhiều điểm chưa rõ ràng, cụ thể, chưa giải quyết được hết những tranh chấp đặt ra đôi khi còn có những điểm chưa hợp lý. Thực tiễn những năm gần đây những tranh chấp về thừa kế đặc biệt là những tranh chấp về phân chia di sản thừa kế đang có sự gia tăng đáng kể về số lượng và tính chất cũng phức tạp hơn.

Với thực trạng đó, tác giả chọn đề tài: “Phân chia di sản thừa kế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” để làm đề tài khoá luận tốt nghiệp của mình.

### **2. Tình hình nghiên cứu đề tài:**

Thừa kế là một vấn đề không phải là mới tuy nhiên nó là một vấn đề phức tạp và có tính chất rộng. Nhiều công trình nghiên cứu về thừa kế như:



Pháp luật thừa kế của Việt Nam những vấn đề lý luận và thực tiễn của tác giả PGS. TS Nguyễn Minh Tuấn; Luận án tiến sĩ luật học của tác giả Phạm Văn Tuyết với đề tài “Thừa kế theo di chúc theo quy định của Bộ luật Dân sự Việt Nam”; Luận án tiến sĩ Luật học của tác giả Phùng Trung Tập với đề tài: “Thừa kế theo pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay”; Luận án tiến sĩ luật học của TS. Trần Thị Huệ; “Di sản thừa kế trong pháp luật dân sự Việt Nam”; Luận văn thạc sĩ luật học “Di sản thừa kế - những vấn đề lý luận và thực tiễn”; Luận văn thạc sĩ Luật học “Điều kiện của người thừa kế là cá nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam và thực tiễn thực hiện”; Luận văn thạc sĩ Luật học “Phân chia di sản thừa kế” của tác giả Nguyễn Đào To; Luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Nguyễn Nhật Huy về “Phân chia di sản thừa kế theo Bộ Luật dân sự 2015”; Khoá luận tốt nghiệp của tác giả Vũ Lê Thu Trang về: “Thanh toán và phân chia di sản thừa kế”; Khóa luận tốt nghiệp của tác giả Nguyễn Thị Mai Linh về “Người hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”; cùng rất nhiều luận văn, luận án khác nghiên cứu về nội dung này.

Bên cạnh đó, các tài liệu khác như công trình nghiên cứu khoa học, các bài báo cũng như bài nghiên cứu về nội dung thừa kế cũng rất nhiều, có thể kể đến một vài công trình như: Bài viết “Bàn về đối tượng được thừa kế thế vị theo quy định của Bộ luật dân sự 2015” của tác giả Nguyễn Viết Giang đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân tối cao (2020); Bài viết “Áp dụng thời hiệu thừa kế đối với tài sản là bất động sản từ ngày 01/01/2017” của tác giả Phan Thị Vân Hương và Đặng Thị Phượng trên Tạp chí Tòa án nhân dân (2017); Bài viết “Áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp về thừa kế” của tác giả Phan Thị Hồng trong Tạp chí Nghề Luật – Học viện Tư pháp (2018).... cùng rất nhiều bài báo và bài nghiên cứu khác.

Vấn đề thừa kế là rất rộng vì vậy mỗi công trình nghiên cứu trên các tác giả chỉ phản ánh được một khía cạnh nào đó của thừa kế. Vấn đề về phân chia

di sản thừa kế không phải là một vấn đề mới tuy nhiên theo sự phát triển của xã hội thì đề tài này luôn dành được sự quan tâm của những nhà nghiên cứu pháp luật. Tiếp cận đề tài về “Phân chia di sản thừa kế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” mang đến một cách tiếp cận mới và phản ánh được thực trạng phát triển của đề tài này trong thực tiễn.

### **3. Mục đích nghiên cứu đề tài:**

Mục đích của tác giả khoá luận là làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về phân chia di sản thừa kế. Qua việc phân tích các quy định của pháp luật về vấn đề phân chia di sản thừa kế từ đó thấy được những hạn chế của quy định pháp luật so với thực tiễn của đời sống xã hội. Từ đó đưa ra những kiến nghị của bản thân để khắc phục những hạn chế này.

### **4. Phạm vi nghiên cứu:**

Trong phạm vi nghiên cứu của khoá luận tốt nghiệp, tác giả tập trung nghiên cứu khía cạnh liên quan đến các quy định về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật Việt Nam.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu :**

#### ***a. Cơ sở lý luận:***

Cơ sở lý luận của luận văn tốt nghiệp dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về thừa kế và sở hữu tài sản.

#### ***b. Phương pháp nghiên cứu:***

Trong luận văn tốt nghiệp này tác giả kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu trong đó có phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lê- Nin. Ngoài ra còn kết hợp các phương pháp so sánh, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp lô gic ...

### **6. Ý nghĩa của khoá luận:**

Khoá luận nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của đề tài phân chia di sản thừa kế. Qua việc phân tích các quy định của pháp luật tác giả làm rõ

hơn những vấn đề lý luận và chỉ ra những hạn chế trong việc áp dụng những quy định của pháp luật trong thực tiễn. Đưa ra kiến nghị đối với những quy định của pháp luật tạo ra phương hướng để những quy định này được áp dụng tốt hơn trong đời sống.

### **7. Kết cấu của khoá luận:**

Kết cấu của khoá luận gồm ba phần :

Chương I. Những vấn đề lý luận chung về phân chia di sản thừa kế

Chương II. Quy định của pháp luật hiện hành về phân chia di sản thừa kế.

Chương III. Thực tiễn áp dụng và phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về phân chia di sản thừa kế.

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ.

#### 1.1. Khái quát chung về di sản

##### 1.1.1. Khái niệm di sản

Theo Đại từ điển tiếng việt của Nguyễn Như Ý chủ biên – NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thì di sản được hiểu: 1.Tài sản thuộc sở hữu của người đã chết để lại: thừa kế di sản bố mẹ. 2.Giá trị tinh thần và vật chất văn hoá thế giới hay một quốc gia một dân tộc để lại. Với một phạm vi khác nhau được hiểu theo một ý nghĩa khác nhau về di sản. Tuy nhiên cả hai nghĩa đều hướng đến việc để lại cho đời sau tài sản hoặc giá trị tinh thần.

Di sản là một thuật ngữ được dùng phổ biến trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống. Trong khoa học pháp lý thuật ngữ này được các nhà làm luật dùng để chỉ di sản thừa kế trong pháp luật dân sự. Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 tại Điều 612 thì “*Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.*”

Trong bất kì một quốc gia nào hoặc một hệ thống pháp luật nào cũng đều xác định di sản thừa kế là tài sản của người để lại di sản cho người thừa kế. Bởi lẽ chỉ khi nào một người là chủ sở hữu của một tài sản nhất định thì mới có quyền định đoạt tài sản đó và khi người đó chết thì trên cơ sở quyền sở hữu của người để lại di sản những người thừa kế dịch chuyển quyền sở hữu này sang cho mình. Việc xác định quyền sở hữu tài sản của người để lại di sản cũng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xác định số tài sản được chia thừa kế. Nếu người chết không để lại di sản hoặc không xác định được tài sản đó do họ sở hữu thì không thể có việc phân chia di sản thừa kế.

##### 1.1.1.1. Các quan niệm về di sản thừa kế

Hiện nay ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới chưa đưa ra được một khái niệm khái quát nhất về di sản. Chính vì vậy đã làm phát sinh các quan niệm khác nhau về di sản.

*Quan điểm thứ nhất cho rằng:* Di sản bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của người chết, các quyền tài sản và các nghĩa vụ tài sản không gắn liền với nhân thân của người chết được phát sinh từ các giao dịch, các hành vi gây thiệt hại. Theo quan điểm này thì di sản thừa kế của người chết bao gồm có hai phần đó là phần tài sản và phần nghĩa vụ tài sản. Người được quyền nhận di sản có thể nhận di sản thừa kế hoặc không nhận di sản thừa kế, vậy nếu di sản là nghĩa vụ thì người thừa kế không bắt buộc phải nhận. Nhưng nếu người thừa kế tự nguyện thực hiện thay các nghĩa vụ tài sản của người chết thì pháp luật cũng không cấm điều này. Tuy nhiên thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết chỉ nằm trong phạm vi tài sản mà người đó để lại, nếu nghĩa vụ của người chết lớn hơn phần di sản thì không bắt buộc người thừa kế phải thực hiện phần vượt quá đó. Người thừa kế chỉ thực hiện nghĩa vụ tài sản tương ứng với phần di sản được nhận và trong phạm vi di sản được hưởng. Quan điểm này được thể hiện trong thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 hay điều 1112 Bộ Luật Dân sự Liên Bang Nga quy định: “*Kể từ ngày mở thừa kế, tất cả các vật và các tài sản khác, trong đó có các quyền tài sản và nghĩa vụ tài sản thuộc về người thừa kế*”. Theo đó, trường hợp nghĩa vụ về tài sản lớn hơn di sản thì bắt buộc người thừa kế thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản được hưởng. Việc thực hiện phần nghĩa vụ vượt quá giá trị di sản được hưởng là không bắt buộc nhưng theo đạo lý của con người Việt Nam đối với những bậc sinh thành thì đây là một việc nên làm.

*Quan điểm thứ hai:* Theo quan điểm này cho rằng di sản gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác, quyền về tài sản do người chết để lại. Khác với quan điểm thứ nhất quan niệm này không coi nghĩa vụ tài sản là di sản, tuy nhiên khi mở thừa kế, người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại trong phạm vi di sản được hưởng. Nếu người chết không để lại tài sản hoặc để lại nhưng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ thì những người thừa kế không bắt buộc phải thực

hiện hết tất cả các nghĩa vụ đó, chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản thừa kế để lại. Quan niệm này hoàn toàn phù hợp với lý luận và thực tiễn hơn. Bởi lẽ không thể bắt những người không có trách nhiệm phải thực hiện để thực hiện phần nghĩa vụ của người để lại thừa kế. Quyền nhận thừa kế chỉ phát sinh khi còn di sản chia thừa kế, trong trường hợp không còn di sản thừa kế thì quyền nhận thừa kế cũng không tồn tại. Nếu quyền đi đôi với nghĩa vụ thì người thừa kế không có quyền nhận thừa kế thì cũng không có nghĩa vụ phát sinh. Vì vậy nếu người chết để lại tài sản thì dùng tài sản đó thanh toán nghĩa vụ còn nếu không thì nghĩa vụ cũng chấm dứt.

### **1.1.1.2: Quy định về di sản thừa kế trong pháp luật Việt Nam**

Pháp luật mang bản chất giai cấp và vì vậy mỗi một giai đoạn lịch sử khác nhau thì pháp luật đại diện cho lợi ích của một giai cấp nhất định. Các quy phạm pháp luật đều hướng đến một lợi ích cho một giai cấp thống trị. Quy định về di sản thừa kế cũng không ngoại lệ.

#### **a. Giai đoạn trước năm 1945**

Giai đoạn này không có quy định cụ thể về di sản thừa kế gồm những loại tài sản nào. Di sản thừa kế được xác định một cách gián tiếp thông qua việc xác định tài sản của cá nhân, xác định tài sản của vợ chồng khi một người chết trước. Tại điều 113 Bộ dân luật Bắc kỳ và điều 111 Bộ dân luật Trung kỳ có quy định: *“Khi người chồng chết...thì người vợ thay quyền chồng mà quản lý tài sản chung. Khi người vợ chết trước thì một mình người chồng trở thành chủ sở hữu tất cả tài sản chung kể cả kỷ phần của vợ nữa”*. Điều luật này thể hiện rất rõ tư tưởng trọng nam khinh nữ đang còn tồn tại rất nặng nề trong thời kì này. Khi người chồng chết thì người vợ chỉ có quyền quản lý tài sản chung trong gia đình nhưng khi người vợ chết trước thì người chồng lại có quyền sở hữu tất cả khối tài sản ở trong gia đình. Trong thời kì này ở nước ta còn tồn tại một tục lệ đã truyền từ đời trước để lại mang đậm nét phong kiến đó là *“phụ trách tử hoàn”*. Theo đó, khi cha mẹ chết, các con có nghĩa vụ thanh toán tất cả

mọi nghĩa vụ tài sản mà cha mẹ để lại ngay cả khi số tài sản để lại không đủ để thanh toán nghĩa vụ. Vậy thế nên không ít những người khi sinh ra đã mang món nợ cho những người đời trước để lại mà có khi trả cả cuộc đời mình cũng không trả được hết. Những món nợ được truyền từ đời này sang đời khác như một “*di sản*” thừa kế và cách thức để làm tròn chữ “*hiếu*” đối với ông bà cha mẹ. Cùng với sự bóc lột và cho vay nặng lãi của cường hào địa chủ phong kiến thì tục lệ “*phụ trái tử hoàn*” nhằm bảo vệ sự bóc lột và lợi ích của giai cấp này.

b. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8 đến năm 1975

Ở nước ta trong thời kì này nền pháp lý của nước ta có nhiều thay đổi lớn và có sự khác biệt giữa các chế độ chính trị khác nhau tồn tại ở hai miền của đất nước. Sau cách mạng tháng tám đã mở ra một kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc. Tuy nhiên sau đó nước ta lại bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội và hai nền pháp lý khác nhau. Sự quy định về di sản thừa kế cũng có những điểm khác biệt.

Quy định của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa: Cách mạng tháng tám thành công làm thay đổi diện mạo của đất nước cùng với sự thay đổi của chế độ chính trị thì một chế độ pháp lý mới ra đời mang tính tiến bộ hơn. Các quy định về di sản trong thời kì này cũng có nhiều thay đổi đáng kể. Có thể kể đến sự ghi nhận của Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1950 về một sự thay đổi mới, phá vỡ các luật tục cổ hủ trong đó có luật lệ “*phụ trái tử hoàn*” đã tồn tại hàng thế kỉ ở nước ta. Mặc dù các quy định của sắc lệnh này không nhiều và chưa có quy định trực tiếp về di sản nhưng cũng đã gián tiếp khẳng định di sản thừa kế của một người chỉ bao gồm tài sản mà không bao gồm các nghĩa vụ tài sản do người đó để lại. Đây là một quy định mang tính đột phá xóa bỏ tư tưởng lạc hậu của nền pháp lý phong kiến đặt nền móng cho sự phát triển chế định thừa kế trong luật dân sự sau này.

Khác với nền tảng quy định của sắc lệnh số 97/SL thì thông tư số 594/NCPL của Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/08/1968 quy định như sau :  
“ *Di sản thừa kế bao gồm không những quyền sở hữu cá nhân về những tài sản mà người chết để lại, mà còn gồm cả những quyền tài sản phát sinh do quan hệ hợp đồng hặc do việc thiệt hại mà người chết để lại*”. Di sản thừa kế được quy định trong thông tư số 594/NCPL được xác định không chỉ bao gồm là tài sản, quyền tài sản thuộc sở hữu của người chết mà còn gồm cả nghĩa vụ người chết để lại.

Thời kì lịch sử này là thời kì lịch sử mang nhiều biến động lớn, đất nước ta bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau và hai nền pháp lý cũng khác nhau. Ở miền Nam chế độ Sài Gòn vẫn áp dụng những quy định của Bộ luật Dân sự trung kì 1936 để giải quyết các tranh chấp dân sự. Đến năm 1972 Bộ Dân luật của chế độ Việt Nam cộng hòa được ban hành. Tuy là bộ luật mới nhưng Bộ dân Luật Sài Gòn về nội dung gần như giống với Dân luật Bắc kì và Hoàng Việt trung kì hộ luật. Bộ luật này không quy định rõ ràng về di sản thừa kế, những quy định chỉ mang tính chất chung chung và gián tiếp xác định di sản thừa kế thông qua các quy định về sở hữu, xác định tài sản của vợ chồng. Di sản thừa kế được xác định bao gồm: nhà cửa, ruộng đất, hào rãnh, súc vật, dụng cụ canh nông, các cỗ phần, phần hùn, phần lãi trong một hội thương sự hay dân sự, các sản nghiệp thương mại, tàu thuyền, quyền sở hữu văn chương mỹ thuật hay kỹ nghệ ... thuộc quyền sở hữu của người đó.

#### c. Giai đoạn từ 1975 đến nay

Năm 1975 đất nước hoàn toàn thống nhất, chế độ thực dân hoàn toàn bị xóa bỏ, Đảng và Nhà nước ta đã bắt tay vào việc tổ chức lại bộ máy và kiện toàn hệ thống chính trị. Hệ thống pháp luật cũng được đổi mới để phù hợp với tình hình phát triển mới của đất nước. Năm 1980 Hiến pháp mới được ban hành, bên cạnh việc quy định nội dung mới về đất đai và các tư liệu sản xuất



thì cũng ghi nhận về các quyền thừa kế của công dân: Công dân có quyền sở hữu về nhà ở, thu nhập hợp pháp, của cải để dành và có quyền để lại thừa kế những tài sản đó (điều 27). Trên cơ sở quy định của Hiến Pháp và văn bản pháp luật khác ngày 24/7/1981 TANDTC ban hành thông tư số 81 hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế. Ngoài các quy định về nguyên tắc và cách giải quyết các tranh chấp về thừa kế thông tư dành một chương quy định về di sản thừa kế. Theo quy định tại phần thứ hai thì di sản thừa kế gồm: Các tài sản thuộc quyền sở hữu của người để lại thừa kế, các quyền tài sản mà người để lại thừa kế được hưởng theo quan hệ hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại. Những quyền và nghĩa vụ tài sản gắn liền với nhân thân của người để lại thừa kế không là di sản. Vậy theo thông tư này thì di sản được xác định là tài sản chứ không bao gồm cả nghĩa vụ tài sản. Hơn nữa thông tư cũng ghi nhận: “*Người thừa kế có quyền nhận hay không nhận thừa kế, người nhận thừa kế được hưởng tài sản, các quyền tài sản mà người chết để lại, đồng thời gánh chịu trách nhiệm thi hành các nghĩa vụ về tài sản mà người chết để lại, trong phạm vi giá trị tài sản đã nhận.*”. Quyền luôn đi đôi với nghĩa vụ, những người thừa kế cũng vậy nghĩa vụ trả nợ hộ những người đã khuất phát sinh trên quyền nhận thừa kế của họ. Tuy nhiên việc thực hiện những nghĩa vụ này chỉ giới hạn trong phạm vi di sản được hưởng, nếu vượt quá phạm vi này thì không bắt buộc phải thực hiện. Việc thực hiện nghĩa vụ khi vượt quá số di sản được hưởng là không bắt buộc nhưng nếu những người thừa kế vẫn thực hiện nghĩa vụ thì nhà nước khuyến khích.

Năm 1992 Hiến pháp mới được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế- xã hội trong thời kì mới, thời kì của kinh tế thị trường. Cùng với sự ra đời của Hiến Pháp mới Bộ luật dân sự được ban hành năm 1995 quy định một cách thống nhất các quan hệ dân sự. Điều 637 BLDS 1995 quy định về di sản thừa kế:

*“1- Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.*

*2- Quyền sử dụng đất cũng thuộc di sản thừa kế và được để lại thừa kế theo quy định tại Phần thứ năm của Bộ luật này.”* Theo đó, di sản thừa kế được xác định bao gồm có tài sản riêng của người chết, phần tài sản riêng trong khối tài sản chung với người khác và xác định quyền sử dụng đất cũng là di sản thừa kế.

Nền kinh tế xã hội không ngừng phát triển và cùng với đó là những biến đổi trong các mối quan hệ dân sự cũng phức tạp hơn. Ngày 14/6/2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI sửa đổi, bổ sung BLDS 1995. Di sản thừa kế cũng có sự thay đổi về cách nhìn nhận về di sản. BLDS 2005 đã bỏ quy định tại khoản 2 điều 637 quy định về quyền sử dụng đất là di sản. Nếu định nghĩa di sản thừa kế là tài sản của người để lại di sản thì tài sản. Vì vậy điều 634 BLDS 2005 đã quy định di sản thừa kế bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác. Đây là một quy định mang tính phù hợp hơn với thực tiễn và lý luận chung về di sản thừa kế.

Từ những phân tích trên có thể khái quát về di sản thừa kế như sau: Di sản là tài sản thuộc quyền sở hữu của người đã chết và hoa lợi, lợi tức phát sinh từ di sản, các tài sản và các lợi ích khác do pháp luật quy định. Theo đó, ngoài các tài sản thuộc quyền sở hữu của người chết, các tài sản khác phát sinh sau khi mở thừa kế đều là di sản. Một trong những cách “để dành” và tích lũy tài sản của người để lại di sản là mua bảo hiểm tính mạng. Loại bảo hiểm này trở thành di sản của người để lại di sản khi có sự kiện chết phát sinh. Ngoài ra, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ di sản mà người chết để lại như tiền lãi gửi ngân hàng ...là di sản.

Còn theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì *“Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.”*

Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.

Ngoài ra di sản được quy định bao gồm cả các quyền tài sản như: quyền đòi bồi thường thiệt hại, quyền đòi nợ, quyền thừa kế giá trị, quyền sử dụng nhà thuê của nhà nước. Bên cạnh đó, di sản thừa kế không bao gồm nghĩa vụ của người chết. Do vậy, trong trường hợp người có tài sản để lại còn có cả nghĩa vụ về tài sản, thì phần nghĩa vụ này sẽ được thanh toán bằng tài sản của người chết. Phần còn lại sẽ được xác định là di sản thừa kế và được chia theo di chúc hay quy định của pháp luật. Trong trường hợp di sản chưa được chia, thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo đúng thỏa thuận của những người thừa kế.

Trong trường hợp Nhà nước, cơ quan, tổ chức hưởng di sản theo di chúc, thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như người thừa kế là cá nhân.

### **1.1.2. Phân loại di sản**

Di sản là tài sản thuộc sở hữu của người để lại di sản khi còn sống. Tuy nhiên di sản lại không đồng nhất với di sản thừa kế mà bao gồm hai phần đó là phần thực hiện nghĩa vụ (tài sản nợ) và phần di sản thừa kế (tài sản có).

#### **1.1.2.1. Phần di sản được dùng để thực hiện nghĩa vụ của người chết**

Nghĩa vụ tài sản chưa được thực hiện hết khi còn sống của người để lại di sản sẽ được tiếp tục thực hiện trên cơ sở di sản dùng để thực hiện nghĩa vụ khi người này chết. Theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 683 BLDS 2005 thì nghĩa vụ tài sản của người chết được chia làm hai loại:

Thứ nhất: Chi phí mai tang cho người chết và những chi phí bảo quản, trông coi di sản...

Thứ hai: Các khoản “nợ” của người chết để lại. Đây là những nghĩa vụ mà khi còn sống người để lại di sản chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện hết thì

chết. Các nghĩa vụ này phát sinh từ những hành vi nhằm thực hiện nhu cầu của bản thân hoặc do hành vi vi phạm pháp luật như: nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ cấp dưỡng còn thiếu...

Còn theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015 thì Điều 658 về Thứ tự ưu tiên thanh toán đã quy định một cách rất cụ thể và rõ ràng về các nghĩa vụ về tài sản và các khoản chi phí có liên quan đến việc thừa kế được thanh toán theo thứ tự cụ thể như sau:

- “1. Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng.*
- 2. Tiền cấp dưỡng còn thiếu.*
- 3. Chi phí cho việc bảo quản di sản.*
- 4. Tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ.*
- 5. Tiền công lao động.*
- 6. Tiền bồi thường thiệt hại.*
- 7. Thuế và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước.*
- 8. Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân.*
- 9. Tiền phạt.*
- 10. Các chi phí khác.”*

Điều này giúp cho những người thực hiện pháp luật có một hình dung rõ ràng về các nghĩa vụ phải thanh toán cũng như thứ tự thực hiện nghĩa vụ và có tác dụng lớn trong đời sống áp dụng pháp luật hiện nay.

#### **1.1.2.2. Di sản thừa kế**

Di sản thừa kế là một bộ phận của di sản mà người chết để lại sau khi đã thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài sản và các chi phí khác liên quan đến di sản. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nếu di sản mà người chết để lại không đủ hoặc vừa đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản thì không có phần di sản thừa kế và không có việc nhận thừa kế.

Phần di sản thừa kế bao gồm các phần: Phần di tặng, di sản thờ cúng, phần di sản dành cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, di

sản chia thừa kế. Tuy nhiên không phải trong trường hợp nào cũng có cả bốn thành phần trên, phân di tặng, di sản thờ cúng, phân di sản dành cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc sẽ tùy thuộc vào nội dung của di chúc. Nếu trong di chúc không quy định phân di tặng và di sản thờ cúng đồng thời không xuất hiện người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc thì phần di sản thừa kế chính là di sản chia thừa kế.

- Phân di sản thừa kế dành cho di tặng: Theo quy định tại điều 646 BLDS 2015 thì: Di tặng là việc người lập di chúc dành một phần dành một phần di sản để tặng cho người khác. Việc di tặng phải được ghi rõ trong di chúc. Người được di tặng là cá nhân phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trường hợp người được di tặng không phải là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế. Người được di tặng không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với phần được di tặng, trừ trường hợp toàn bộ di sản không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người lập di chúc thì phần di tặng cũng được dùng để thực hiện phần nghĩa vụ còn lại của người này. Khoản 2 Điều 646 BLDS năm 2015 đã dự liệu đầy đủ trường hợp chủ thể được di tặng không những là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế, mà còn là người được sinh ra sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di tặng chết. Chủ thể được di tặng không phải là cá nhân thì phải còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho người lập di chúc để lại phần di sản di tặng cho cá nhân, pháp nhân với ý nghĩa để kỷ niệm hoặc hàm ơn, thỏa mãn ý nguyện của người để lại di tặng.

Di tặng là một phần tài sản trong khối di sản của người chết để lại; việc xác định giá trị của di tặng không thể vượt ra ngoài phạm vi giá trị khối di sản của người chết. Trước hết, phải thanh toán các nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại từ khối di sản của người đó và tuân theo thứ tự ưu tiên đã được quy định tại Điều 658 BLDS năm 2015, phần di tặng được trừ từ di sản còn lại đó.

Người được di tặng không phải là người được thừa kế di sản mà được hiểu là người có quyền tài sản từ khối di sản của người để lại di tặng. Như vậy, di tặng chỉ phát sinh từ căn cứ duy nhất - từ di chúc. Thực chất, phần di tặng đã được xác định theo sự định đoạt của người lập di chúc vẫn thuộc về người được di tặng; theo đó, phần di sản sau khi đã trừ đi phần di tặng còn lại là di sản được chia thừa kế. Nhưng trong trường hợp toàn bộ di sản của người chết để lại không đủ để thanh toán nghĩa vụ về tài sản của người di tặng thì phần di tặng khi đó cũng được dùng để thực hiện phần nghĩa vụ còn lại của người này. Người được di tặng là ai cần phải được đặt ra, vì lợi ích của người được di tặng có sự liên quan trực tiếp đến lợi ích của những người được thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc, theo quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015. Nếu người được di tặng là người không thuộc diện thừa kế theo pháp luật thì phần người này được di tặng được khấu trừ để bảo đảm lợi ích của những người được thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc, nếu phần di tặng đó chiếm phần lớn giá trị di sản của người lập di chúc. Phương thức trên cũng được áp dụng đối với người được di tặng khác đồng thời là người thuộc diện thừa kế theo pháp luật của người để lại di tặng. Trong trường hợp người được di tặng đồng thời là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc mà giá trị phần di tặng đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của những người khác - người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc thì giá trị di tặng do người này được hưởng cũng bị khấu trừ để bảo đảm lợi ích của những người nói trên (Điều 644 BLDS năm 2015).

Trường hợp người lập di chúc đã định đoạt hết tài sản của mình để di tặng thì việc xác định kỹ phần bắt buộc cho những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc được quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015, cũng được giải quyết tương tự như trong trường hợp người lập di chúc định đoạt tài sản đối với các trường hợp khác không phải là di tặng. Phần còn lại sau khi đã trừ đi tổng số kỹ phần bắt buộc cho từng người thừa kế không phụ

thuộc vào nội dung của di chúc là phần di tặng được chuyển giao cho người được di tặng.

Phần tài sản dùng cho việc thờ cúng: Pháp luật không quy định loại tài sản nào được dùng vào việc thờ cúng mà Điều 645 BLDS năm 2015 quy định người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng. Như vậy, tài sản theo quy định tại Điều 105 BLDS năm 2015 đều là đối tượng dùng vào việc thờ cúng. Về ngữ nghĩa của hai nhóm từ được dùng trong điều luật và nhóm từ thường dùng trong cuộc sống cần phải được hiểu đúng. Di sản dùng vào việc thờ cúng và di sản dùng để thờ cúng được hiểu rất khác nhau.

Di sản dùng vào việc thờ cúng được hiểu là tài sản được dùng vào mục đích thờ cúng. Tài sản này không nên hiểu theo nghĩa cơ học của chính nó mà phải hiểu bản chất tài sản, có chứa đựng bản chất giá trị tài sản dùng vào việc thờ cúng. Như vậy, di sản dùng vào việc thờ cúng trước hết là tài sản, tài sản này xét về giá trị là để nhằm phục vụ cho mục đích thờ cúng. Loại tài sản dùng vào việc thờ cúng không đồng nhất về cơ cấu hoá, lý, sinh nhưng đồng nhất về mặt tài sản được dùng với mục đích thờ cúng.

Cần phải xác định di sản dùng vào việc thờ cúng được quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015 nên được hiểu như thế nào cho phù hợp với bản chất pháp luật quy định về loại di sản này. Phần di sản dùng vào việc thờ cúng được hiểu là phạm vi giá trị di sản đó và di sản đó chỉ được dùng với mục đích duy nhất là dùng vào việc thờ cúng. Quyền định đoạt của người lập di chúc định đoạt mục đích sử dụng của di sản này chỉ bị hạn chế trong hai trường hợp như cách hiểu thứ hai trên đây. Ngoài ra, quyền định đoạt của người lập di chúc định đoạt tài sản dùng vào việc thờ cúng không bị ràng buộc bởi bất kỳ quy định nào khác, trừ trường hợp di sản đó bị tiêu huỷ do có sự biến pháp lý tuyệt đối (bão lụt, động đất, hiện tượng thiên tai khác... và chiến tranh). Với những lập luận này, về di sản dùng vào việc thờ cúng, có thể nhận định: Người lập di chúc có quyền để lại toàn bộ tài sản của mình để dùng vào

việc thờ cúng. Quyền của người định đoạt di sản này chỉ bị hạn chế theo quy định tại Điều 644 và khoản 2 Điều 645 BLDS năm 2015.

Phần di sản dành cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc: Đây là phần di sản nằm ngoài dự định của người để lại di sản. Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc sẽ được hưởng 2/3 suất của một người thừa kế. Quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi cho những người quy định tại điều 669 BLDS bao gồm: cha, mẹ, vợ, chồng, con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động. Có thể thấy rằng đây đều là những đối tượng có quan hệ huyết thống và hôn nhân mà khi còn sống thì người để lại di sản phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho họ. Vì vậy họ đáng được hưởng phần di sản mà người chết để lại bất chấp ý chí của người lập di chúc và “chống lại” những người thừa kế khác.

Phần di sản chia thừa kế: Là phần di sản được dùng để chia cho những người thừa kế của người để lại di sản sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài sản, thanh toán các chi phí liên quan, dành phần di sản cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, di tặng và di sản dành cho thờ cúng. Đây là số tài sản trực tiếp chia cho những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật.

## **1.2. Khái niệm phân chia di sản thừa kế và hậu quả pháp lý**

### **1.2.1. Khái niệm phân chia di sản thừa kế**

Hiện nay trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển và tài sản xã hội ngày càng được tích lũy nhiều hơn. Những tài sản này không chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu của chính bản thân và gia đình khi họ còn sống mà còn có của cải “để dành” cho con cái khi họ chết. Tuy nhiên không phải tất cả các vụ việc thừa kế đều được giải quyết đơn giản mà còn nhiều vụ việc mang tính chất phức tạp liên quan đến việc phân chia tài sản thừa kế. Xét đến cùng thì mục đích của các tranh chấp thừa kế hướng đến là phân chia tài sản thừa kế một



cách hợp lý, dung hòa được lợi ích của những người thừa kế và quan trọng hơn hết là đúng pháp luật.

Trong quan hệ thừa kế không phải lúc nào cũng phát sinh việc phân chia di sản thừa kế. Việc phân chia di sản thừa kế chỉ đặt ra khi có từ hai người có quyền thừa kế trở lên. Bởi lẽ nếu chỉ có một người thừa kế thì toàn bộ di sản chia thừa kế sẽ thuộc về họ và cũng chính là người thực hiện các nghĩa vụ tài sản.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy phân chia di sản thừa kế là tập hợp các hoạt động pháp lý nhằm xác lập quyền sở hữu của người được hưởng thừa kế đối với di sản thừa kế trong khối di sản chung sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài sản từ khối di sản đó.

### **1.2.2. Hậu quả pháp lý phân chia di sản thừa kế**

Quan hệ thừa kế là quan hệ trải qua nhiều giai đoạn. Nếu như việc xác định di sản thừa kế là bước đầu tiên để thực hiện nội dung của quan hệ thừa kế thì phân chia di sản thừa kế là giai đoạn cuối cùng và thể hiện kết quả của quan hệ thừa kế trong việc xác định và thỏa thuận giữa những người thừa kế. Khi những người thừa kế cùng nhau thỏa thuận hoặc tòa án xác định được tỉ lệ phân chia di sản thì quá trình phân chia di sản sẽ bắt đầu.

Việc phân chia di sản thừa kế làm phát sinh nhiều quan hệ dân sự mới. Tài sản thừa kế sẽ được dịch chuyển từ người để lại di sản thừa kế cho người thừa kế, phát sinh quyền sở hữu tài sản của người thừa kế. Những người thừa kế sau khi nhận phần tài sản thừa kế của mình có quyền sở hữu đối với những tài sản đó. Theo khái niệm phân chia di sản thừa kế thì sau khi phân chia di sản thừa kế sẽ chấm dứt tình trạng nhiều người được quyền thừa kế nhiều hoặc một tài sản. Khi chưa chia di sản thì sự sở hữu của những người thừa kế vẫn chưa rõ ràng vì vậy họ chưa có quyền sở hữu hoàn toàn đối với những tài sản thừa kế đó. Đặc biệt là trong trường hợp di sản để lại là một tài sản duy nhất thì những người thừa kế hoàn toàn khó có thể xác định được phần thừa kế của

mình và quyền sở hữu của mình đối với tài sản thừa kế. Khi đã có quyền sở hữu tài sản thừa kế những người thừa kế hoàn toàn có thể thực hiện các quyền sở hữu tài sản thừa kế (chiếm hữu, sử dụng, định đoạt) đối với tài sản thừa kế mà không cần thông qua ý kiến của những người thừa kế khác.

### **1.3. Các căn cứ phân chia di sản thừa kế**

#### **1.3.1. Phân chia di sản thừa kế theo sự thỏa thuận của tất cả những người thừa kế**

Việc phân chia thừa kế suy cho cùng là để đáp ứng được quyền lợi của những người thừa kế. Tuy nhiên việc phân chia di sản thừa kế tại tòa án hoặc các cơ quan khác thì gặp không ít khó khăn về mặt thủ tục và thời gian. Vì vậy nếu những người thừa kế đều có thiện chí muốn tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì thỏa thuận phân chia thừa kế là một giải pháp thích hợp nhất trong trường hợp này. Hơn nữa việc thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế vừa giữ được tình đoàn kết, tránh gây sứt mẻ tình cảm gia đình vừa thỏa mãn được nguyện vọng của mình đối với việc chia tài sản thừa kế. Pháp luật dân sự tôn trọng quyền tự định đoạt thỏa thuận này. Khi những người thừa kế đã đạt được sự thỏa thuận thống nhất về cách chia, phương thức chia thì đây sẽ là căn cứ để chia di sản thừa kế.

Theo quy định tại khoản 2 điều 656 BLDS 2015 thì *“Mọi thỏa thuận của những người thừa kế phải được lập thành văn bản”* và Khoản 1 điều 57 Luật Công chứng 2014 quy định *“ Những người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc mà trong di chúc không xác định rõ phần di sản được hưởng của từng người thì họ có quyền yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản”*.

Tuy nhiên về mặt hình thức của thỏa thuận thì có sự khác nhau giữa các loại di sản tùy thuộc vào quy định luật điều chỉnh. Hiện nay pháp luật không có quy định về nghĩa vụ phải công chứng, chứng thực thỏa thuận này của những

người thừa kế. Hình thức của thỏa thuận này cần căn cứ vào quy định cụ thể của từng loại tài sản mà người chết để lại.

Bản chất của thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giống với một hợp đồng dân sự bình thường. Vì vậy những người thừa kế có thể thỏa thuận bằng hình thức bằng miệng hoặc bằng văn bản. Trong trường hợp tài sản phân chia thừa kế là động sản thì việc phân chia mang tính chất đơn giản hơn so với bất động sản vì vậy trong trường hợp này có thể áp dụng hình thức bằng miệng. Hơn nữa pháp luật cũng không quy định hình thức văn bản có công chứng, chứng thực là hình thức bắt buộc vì vậy nếu như tài sản phân chia là động sản thì có thể lập thỏa thuận miệng.

Đối với tài sản phân chia là bất động sản thì tính chất tài sản phức tạp hơn vì đối tượng phân chia ở đây không phải là đất đai mà là phân chia quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là một quyền dân sự mang tính chất đặc thù, được pháp luật quy định một cách riêng biệt, khác hẳn so với các quyền tài sản khác. Việc phân chia di sản là quyền sử dụng đất phải công chứng hoặc chứng thực. Đây là căn cứ để những người thừa kế đăng ký quyền sử dụng đất.

Từ những quy định này thì trường hợp thỏa thuận phân chia di sản thừa kế sẽ xảy ra khi: thừa kế theo pháp luật hoặc thừa kế theo di chúc mà trong di chúc không xác định rõ phần di sản được hưởng của từng người. Vì vậy những người thừa kế sẽ thỏa thuận về cách phân chia theo tỉ lệ hoặc phân chia theo hiện vật.....

### **1.3.2 .Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật**

#### ***Nguyên tắc phân chia***

Trong bất cứ một ngành luật nào cũng cần có những tư tưởng, định hướng xuyên suốt ngày luật đó và tạo thành một hệ thống các nguyên tắc. Các nguyên tắc này giúp cho các quy định được thực hiện một cách nhất quán, xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng của các điều luật. Tuy nhiên trong cái

chung thì tồn tại trong mỗi sự vật sự việc đều tồn tại những cái riêng của mình.

- Ưu tiên chia và chia hết cho những người ở hàng thừa kế trước: Người có quyền thừa kế tài sản của người chết dựa trên các cơ sở về huyết thống, thân thích gần gũi. Tuy nhiên nếu liệt kê tất cả những người này để cùng chia tài sản thì rất nhiều và khó có thể đảm bảo được tính công bằng trong pháp luật. Bởi vì thế mà Khoản 3 điều 651 BLDS 2015 đã quy định các hàng thừa kế theo mức độ gần gũi của những người này đối với người để lại di sản. cũng theo khoản 3 của điều này thì : “ *Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản*”. Mỗi người khi còn sống luôn cố gắng vun đắp và tích lũy cho tài sản của gia đình mình, Vì vậy khi chết đi thì mong mỏi lớn nhất của người chết là dùng khối tài sản mà mình để lại để lo cho những người mà mình thương yêu và gần gũi nhất đó là con, cháu, cha, mẹ. Những người thân thích khác như: Cô, dì, chú, bác, anh, chị, em... tuy cũng có huyết thống và tình cảm gần gũi nhưng đến khi lập gia đình riêng cho mình thì mỗi người có một cuộc sống riêng và quan tâm đến trước nhất chính là gia đình nhỏ của mình. Vì vậy việc phân chia ra các hàng thừa kế và ưu tiên chia cho hàng thứ nhất là rất hợp lý và đúng với ý nguyện của người để lại di sản.

- Chia đều bằng nhau cho những người thừa kế cùng hàng: Đây là một nguyên tắc mang tính kế thừa của Hiến Pháp cũng như các bộ Luật Dân sự. Các chủ thể trong quan hệ dân sự có sự bình đẳng trong việc xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ. Trong quan hệ thừa kế đặc biệt là trong phân chia di sản thừa kế thì bình đẳng là một trong các nguyên tắc quan trọng và có ý nghĩa rất lớn. Bởi lẽ cùng một hàng thừa kế thì mỗi người đều có một địa vị pháp lý ngang nhau và đòi hỏi phần di sản được chia cũng phải ngang bằng nhau, không được phân biệt bởi bất kì yếu tố nào về mặt nhân thân hay tuổi tác. Khoản 2

điều 651 BLDS 2015 quy định “*những người cùng thuộc hàng thừa kế thì được hưởng phần di sản như nhau*”. Quy định tại hàng thừa kế thừa nhất bao gồm có cha, mẹ, vợ, chồng, con của người để lại di sản. Trong cùng một hàng này tuy có sự khác nhau về tuổi tác, vị trí trong gia đình, huyết thống nhưng khi chia di sản thừa kế những người này phải được chia một cách bình đẳng và bằng nhau.

### ***Xác định di sản thừa kế theo pháp luật***

Di sản thừa kế được xác định trong hai trường hợp là chia thừa kế theo pháp luật và chia thừa kế theo di chúc là không giống nhau. Chia thừa kế theo di chúc thì pháp luật dự trù các trường hợp có thể quy định trong di chúc còn di sản thừa kế theo pháp luật được xác định ít phức tạp hơn. Theo quy định hiện hành thì phần di sản được phân chia cho những người thừa kế được tính như sau:

Di sản phân chia = Tổng khối di sản - (Nghĩa vụ tài sản người chết để lại + Các chi phí khác).

Khi thanh toán các nghĩa vụ tài sản thì có thể xảy ra ba trường hợp sau:

Trường hợp thứ nhất: Tổng khối di sản của người chết để lại lớn hơn tổng của nghĩa vụ tài sản và các chi phí khác. Lúc này tài sản còn lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế.

Trường hợp thứ hai: Tổng khối di sản của người chết để lại bằng với tổng các nghĩa vụ và chi phí khác. Lúc này không xảy ra sự kiện phân chia di sản thừa kế di sản thừa kế chỉ đủ để thanh toán các khoản nợ và không có di sản để chia thừa kế.

Trường hợp thứ ba: Tổng khối di sản mà người chết để lại nhỏ hơn tổng các nghĩa vụ người đó để lại. Lúc này cũng không có sự kiện phân chia di sản thừa kế xảy ra.

Trong công thức trên thì nghĩa vụ mà người chết để lại ở đây là tất cả các nghĩa vụ về tài sản (nợ) phát sinh khi người đó còn sống mà chưa được thực

hiện hoặc đang thực hiện. Những chủ thể có quyền đều có thể yêu cầu thanh toán, tuy nhiên nếu xảy ra trường hợp thứ ba thì sẽ có những nghĩa vụ tài sản của những chủ thể này không được thanh toán. Pháp luật căn cứ vào lợi ích của các chủ thể, mức độ cần thiết đối với tài sản của người được thanh toán quy định thứ tự ưu tiên thanh toán (điều 658 BLDS 2015).

Nếu người để lại di sản thừa kế đồng thời để lại nghĩa vụ về tài sản mà sản lại được phân chia ngay thời điểm mở thừa kế thì những người được hưởng thừa kế phải cùng nhau thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản mình được hưởng.

Các chi phí khác được nhắc đến trong công thức trên là tiền mai táng cho người chết, tiền trả thù lao cho người quản lý di sản, các chi phí để quản lý, bảo quản di sản thừa kế... Tất cả những chi phí này không được coi là nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

### ***Căn cứ phân chia***

Nếu như căn cứ phân chia theo thỏa thuận phân chia của những người thừa kế là sự thỏa thuận của họ thì phân chia di sản theo pháp luật căn cứ vào các quy định của pháp luật. Pháp luật quy định các trường hợp phân chia, cách thức phân chia, hàng thừa kế, trình tự phân chia di sản theo pháp luật.

Quan hệ thừa kế theo quy định của pháp luật được quy định dựa trên các quan hệ về huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng, quan hệ hôn nhân với người để lại di sản. Căn cứ phân chia thừa kế cũng là sự khác nhau cơ bản giữa phân chia di sản theo di chúc và theo pháp luật. Di sản thừa kế là tài sản thuộc sở hữu của người để lại di sản vì vậy phân chia di sản thừa kế chỉ xảy ra khi: người để lại di sản không lập di chúc hoặc có lập di chúc nhưng di chúc không có hiệu lực, người thừa kế từ chối không nhận di sản... Tuy nhiên không phải lúc nào có di chúc thì chỉ chia theo di chúc, nếu trong trường hợp di chúc chỉ quy định một phần di sản thì số di sản còn lại sẽ được chia theo pháp luật, việc có chia di sản thừa kế theo pháp luật hay theo di chúc còn phụ thuộc vào từng

trường hợp cụ thể, có thể đồng thời áp dụng cả chia theo pháp luật và chia theo di chúc trong cùng một vụ việc cụ thể. Điều này thể hiện được rõ sự linh hoạt trong việc áp dụng pháp luật vừa thể hiện được ý chí của người để lại di sản, vừa chia di sản một cách hợp lý nhất.

### **1.3.3. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc**

#### ***Nguyên tắc phân chia di sản theo di chúc***

Không phải chỉ có phân chia theo pháp luật thì mới có các nguyên tắc mà cả khi phân chia theo di chúc thì việc phân chia di sản cũng cần có những nguyên tắc nhất định. Những nguyên tắc này đảm bảo cho pháp luật được áp dụng thống nhất và đảm bảo được quyền để lại di sản của người đã chết và quyền hưởng di sản của những người sống.

Nguyên tắc đầu tiên và quan trọng nhất đối với phân chia di sản theo di chúc là tôn trọng ý chí của người lập di chúc. Di chúc hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ chính là bảo vệ quyền sự định đoạt của người để lại di sản đối với những tài sản mà họ sở hữu. Nếu di chúc hợp pháp thì việc phân chia di sản sẽ được chia theo ý chí của người lập di chúc. Bởi lẽ nếu họ là người tạo ra những tài sản nào đó thì họ hoàn toàn có thể quyết định tài sản đó dùng để làm gì và cho ai. Nếu như chết là sự kiện pháp lý chấm dứt năng lực pháp luật của chủ thể thì việc để lại di chúc khi đang sống và được pháp luật công nhận là việc mà pháp luật “*bảo lưu*” quyền định đoạt tài sản sau khi người đó chết đi.

Nguyên tắc tài sản thừa kế có thể bị cắt giảm nếu xuất hiện những người thừa: Khi định đoạt tài sản của mình thì người để lại di sản có thể phân chia theo một tỉ lệ bất kì và cho một cá nhân, tổ chức bất kì nào đó hoặc cũng có thể đồng thời truất luôn quyền hưởng thừa kế của một người thừa kế nào đó. Pháp luật hoàn toàn tôn trọng ý nguyện của người để lại di sản tuy nhiên pháp luật cũng cần phải bảo vệ những người yếu thế. Điều 644 của BLDS 2015 quy định các đối tượng được hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào di chúc.

Cũng cần nhấn mạnh rằng việc quy định ở đây không phải là việc pháp luật không tôn trọng ý chí của người đã chết mà pháp luật đang giúp họ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với những người đang còn sống.

### ***Căn cứ phân chia***

Căn cứ để phân chia di sản thừa kế là di chúc mà người để lại di sản lập và được pháp luật công nhận. Khi xác lập quyền sở hữu của cá nhân đối với một tài sản bất kì thì một trong các nội dung cơ bản của quyền sở hữu là định đoạt tài sản. Di chúc là căn cứ mang tính rõ ràng và thể hiện được ý chí của người để lại di sản. Pháp luật bảo đảm quyền định đoạt tài sản này của người để lại di chúc cũng như việc thực hiện di chúc sau này. Nếu như chia di sản thừa kế theo pháp luật hoặc chia di sản theo thỏa thuận thì dễ dẫn đến xảy ra tranh chấp vì người thừa kế nào cũng muốn mình sẽ được chia nhiều hơn. Tuy nhiên nếu có di chúc thì việc “hưởng” thừa kế sẽ mang tính mặc định rõ ràng hơn, ý chí của người để lại di sản được thể hiện rõ hơn và vì thế việc phân chia di sản sẽ thuận lợi hơn rất nhiều. Người để lại di chúc chỉ có thể là cá nhân nhưng chủ thể hưởng thừa kế có thể là cá nhân, tổ chức hoặc nhà nước mà không phân hàng thừa kế, không phải xác định mối quan hệ giữa người để lại di chúc và người thừa kế. Di sản phân chia như thế nào, ai được hưởng bao nhiêu đều phụ thuộc vào ý chí riêng của người lập di chúc. Khác với chia theo pháp luật là chia đều và ưu tiên trước tiên cho hàng thừa kế thứ nhất thì phân chia thừa kế theo di chúc sẽ căn cứ vào số tài sản được chia trong di chúc, có người sẽ được nhiều nhưng cũng sẽ có người được ít, thậm chí là có người bị truất quyền hưởng di sản thừa kế. Điều này hoàn toàn phù hợp bởi khi họ tạo ra tài sản riêng của mình, xác định được quyền của chủ sở hữu, để lại tài sản đó cho người nào, để lại bao nhiêu họ phải là người quyết định. Nhà nước chỉ can thiệp khi người này không để lại di chúc (di chúc hợp pháp), nhà nước không quy định cụ thể phạm vi những người thừa kế, phạm vi tài sản chia thừa kế của mỗi người thừa kế, điều này phụ thuộc vào ý chí của người để lại di



chức. Di chúc được gọi là hợp pháp nếu như đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật được quy định tại điều 630 BLDS 2015 bao gồm: người lập di chúc phải có năng lực chủ thể, người lập di chúc phải tự nguyện, nội dung của di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức của di chúc phải phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi mở thừa kế, người được chỉ định trong di chúc có quyền yêu cầu chia di sản theo di chúc đã định đoạt, người được hưởng di sản theo di chúc được gọi là người thừa kế theo di chúc, đây là trường hợp thừa kế theo di chúc đơn giản. Trường hợp di chúc định đoạt một phần di sản làm di sản thờ cúng hoặc trong di chúc không chỉ định cho người thừa kế bắt buộc thì đây là trường hợp thừa kế theo di chúc phức tạp hơn.

### ***Xác định di sản thừa kế***

Di sản trong trường hợp có để lại di chúc có những điểm khác biệt so với di sản trong trường hợp phân chia theo pháp luật. Ngoài nghĩa vụ tài sản thì người lập di chúc có thể tự quyết định thêm các khoản khác trong di chúc tùy thuộc vào ý chí của họ. Công thực tính di sản thừa kế để phân chia được xác định:

Di sản phân chia thừa kế = Tổng khối di sản- (Thanh toán nghĩa vụ + di tặng+di sản dùng vào việc thờ cúng+ hưởng di sản)

Cũng như công thức xác định di sản thừa kế theo pháp luật thì tổng khối tài sản và nghĩa vụ thanh toán là hai phần mang tính chất cố định. Đối với thừa kế theo di chúc thì người để lại di sản theo ý chí của bản thân mình có thể ngoài phần di sản cho những người thừa kế thì có thể có thêm phần di sản dùng để di tặng và thờ cúng. Hơn nữa nếu có sự xuất hiện của các chủ thể được quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015 thì công thức trên sẽ là công thức đầy đủ cho trường hợp này. Nhưng không phải trường hợp nào cũng đủ các yếu tố có trong công thức. Có trường hợp có một trong ba yếu tố là di tặng, thờ cúng, người thừa kế theo Điều 644 nhưng cũng có trường hợp cả ba đều không có.

Di tặng bản chất giống với hợp đồng tặng cho theo ý chí đơn phương của người đã chết. Chính vì yếu tố đơn phương trong ý chí của chủ thể tặng vì vậy chủ thể được di tặng có thể nhận di sản di tặng hoặc từ chối nhận di sản này. Cùng là người hưởng di sản nhưng khác với những người thừa kế thì người nhận di tặng không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản với phần di tặng trừ trường hợp toàn bộ tài sản của người để lại di sản không đủ để thanh toán nghĩa vụ. Khi di tặng là vật đặc định mà không còn tồn tại do việc rủi ro cho đến khi người được hưởng di tặng biết được quyền của mình thì họ không được quyền đòi chia tỉ lệ phần di tặng từ những người thừa kế.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là nét văn hóa lâu đời của người dân Việt Nam để tỏ lòng biết ơn sinh thành và dưỡng dục của ông bà tổ tiên. Khi đang còn sống thì mỗi người đều tôn trọng và thực hiện một tín ngưỡng tốt đẹp này và khi đã “gần đất xa trời” thì không ít người sẽ nghĩ đến việc thờ cúng của mình sau này. Dẫu biết rằng việc thờ cúng tổ tiên là việc mà con cháu cần phải làm để báo đáp công ơn của cha mẹ, ông bà nhưng không phải ai cũng có điều kiện để thực hiện và cũng không ít người không coi trọng việc thờ cúng này, chính vì vậy việc để lại một phần di sản dùng để thờ cúng là một việc làm thể hiện trách nhiệm của người để lại di sản đối với chính bản thân mình. Đây cũng là một quy định mang tính kế thừa, từ Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ cho đến các Bộ Luật Dân sự Bắc kì, Dân sự Trung kì. Điều 388 Quốc triều hình luật quy định về việc lập di sản thờ cúng trong trường hợp không để lại di chúc là 1/20 toàn bộ giá trị điền sản làm hương hỏa. Bộ Dân luật Bắc kì và Dân luật Trung kì quy định: “ *Phần gia tài lập thành hương hỏa trong mọi trường hợp, dù là số thừa kế bao nhiêu nữa cũng không thể quá 1/5 giá trị của cải của người lập hương hỏa*”. Đồng thời quy định về di sản thờ cúng là việc quy định về giới hạn di sản dùng trong việc thờ cúng, số di sản dùng trong việc thờ cúng chỉ ở một mức độ nhất định không được lợi dụng quy định của pháp luật để trốn tránh việc thực hiện các khoản nghĩa vụ nợ.

Theo nguyên tắc chung của luật dân sự, người lập di chúc có quyền quyết định tối cao đối với tài sản của mình. Tuy nhiên trong một số trường hợp pháp luật hạn chế quyền định đoạt của người lập di chúc nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của một số người nằm trong diện thừa kế có quan hệ hôn nhân, huyết thống như: vợ, chồng, bố, mẹ...

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG I**

Quá trình phát triển của thừa kế gắn liền với sự phát triển của lịch sử loài người. Dù ở thời kỳ nào, dưới chế độ xã hội nào, chế định thừa kế cũng luôn đóng vai trò quan trọng, tựa như một bức tranh sinh động phản ánh các quan hệ xã hội, quan hệ tài sản qua từng giai đoạn phát triển. Ở chương mở đầu này, xuất phát từ việc tham khảo giải nghĩa các cuốn từ điển cũng như quy định của pháp luật hiện hành, tác giả đã xây dựng và đưa ra khái niệm về thừa kế theo pháp luật và chỉ ra các trường hợp hưởng thừa kế theo pháp luật. Qua sự phân tích ở chương I đã làm rõ được các vấn đề lý luận chung về di sản, di sản thừa kế, các trường hợp phân chia di sản thừa kế. Mang đến một cái nhìn chung nhất về các vấn đề này trên cơ sở đó tìm hiểu rõ hơn các quy định của pháp luật về phân chia di sản thừa kế - Vấn đề trọng tâm nhất của khoá luận tốt nghiệp.

## **CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT DÂN SỰ HIỆN HÀNH VỀ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ**

### **2.1. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc**

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển dịch tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Theo quy định này thì di chúc phải có các yếu tố sau: đó là sự thể hiện ý chí của cá nhân mà không phải là của bất cứ chủ thể nào khác; mục đích của việc lập di chúc là chuyển tài sản là di sản của mình cho người khác; chỉ có hiệu lực sau khi người đó chết.

Di chúc là hành vi pháp lý đơn phương của người lập di chúc, do đó di chúc phải tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nói chung và điều kiện có hiệu lực của di chúc nói riêng. Vì vậy, một người muốn định đoạt tài sản của mình bằng di chúc cần phải tuân theo các quy định của pháp luật về thừa kế theo di chúc. Bên cạnh đó, việc phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có di chúc phải tuân theo nguyên tắc tôn trọng ý chí của người để lại di chúc. Tuy nhiên bên cạnh sự tôn trọng ý chí của người để lại di chúc thì pháp luật cũng có những quy định nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích của các chủ thể có liên quan khác như chủ thể mang quyền trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ của người để lại di sản thừa kế, các chủ thể có quyền hưởng di sản thừa kế mà không phụ thuộc vào nội dung của di chúc ... như quy định tại Điều 659 và Điều 644 của Bộ luật Dân sự năm 2015

#### **2.1.1. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc trong trường hợp đã thanh toán các nghĩa vụ**

Trong trường hợp các nghĩa vụ đã được thanh toán trước khi chia di sản thừa kế cho những người thừa kế thì áp dụng các quy định tại Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 về phân chia di sản thừa kế theo di chúc như sau:

*“1. Việc phân chia di sản được thực hiện theo ý chí của người để lại di chúc, nếu di chúc không xác định rõ phần của từng người thì kế thì di sản được chia*

*đều cho những người được chỉ định trong di chúc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*2. Trong trường hợp di chúc xác định phân chia di sản theo hiện vật thì người thừa kế được nhận hiện vật kèm theo hoa lợi, lợi tức thu được từ hiện vật đó hoặc phải chịu phân giá trị của hiện vật bị giảm sút tính đến thời điểm phân chia di sản; nếu hiện vật bị tiêu hủy do lỗi của người khác thì người thừa kế có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.*

*3. Trong trường hợp di chúc chỉ xác định phân chia di sản theo tỷ lệ đối với tổng giá trị khối di sản, thì tỉ lệ này được tính trên giá trị khối di sản đang còn vào thời điểm phân chia di sản.”*

Như vậy, Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã dự liệu ba trường hợp có thể xảy ra khi chia di sản thừa kế theo di chúc:

*Trường hợp thứ nhất:* Nếu di chúc chỉ xác định người thừa kế mà không xác định rõ phân thừa kế thì chia đều cho những người thừa kế hoặc chia theo thỏa thuận của những người thừa kế.

Nhìn chung trường hợp này có những điểm giống như trường hợp chia di sản thừa kế theo pháp luật. Điểm giống nhau ở đây là những người thừa kế đều được chia đều hoặc có thể thỏa thuận nội dung chia di sản thừa kế. Tuy nhiên điểm khác là những người được hưởng di sản không phải do pháp luật quy định mà theo ý chí của người lập di chúc quyết định. Quy định tại Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng đặt ra hai cách chia trong trường hợp người để lại di chúc không xác định rõ phân di chúc đó là chia đều hoặc chia theo thỏa thuận của những người thừa kế. Theo cách hiểu tại Khoản 1 Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần hiểu là chia theo thỏa thuận sẽ được ưu tiên áp dụng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác). Bởi lẽ, về bản chất thì quan hệ thừa kế cũng là một quan hệ của pháp luật dân sự và nguyên tắc tự do thỏa thuận của các chủ thể cũng cần được tôn trọng. Nếu những người thừa kế đã đạt được một sự thỏa thuận trong việc phân chia di sản thừa kế thì cần tôn

trọng thỏa thuận này, nếu như không đạt được thỏa thuận thì mới chia đều cho những người thừa kế. Việc phân chia di sản thừa kế mục đích cuối cùng là đảm bảo được quyền lợi của những người hưởng thừa kế. Vì vậy việc chia di sản thừa kế theo thỏa thuận của họ thể hiện được sự thỏa mãn ý chí về quyền lợi của chính bản thân mình.: Ông A để lại số tài sản thừa kế là 1 tỷ đồng, sau khi đã thanh toán *Ví dụ* toàn bộ số nghĩa vụ nợ là 200 triệu đồng thì số tài sản còn lại chia thừa kế là 800 triệu đồng. Trong di chúc ông không nêu rõ phần hưởng di sản mà chỉ định quyền hưởng thừa kế cho vợ là bà B và hai con là C, D. Bà B đã cùng C và D thỏa thuận nội dung chia di sản thừa kế mà ông A để lại. Theo như thỏa thuận thì bà B sẽ được hưởng 400 triệu và C, D mỗi người hưởng 200 triệu đồng. Khác với việc chia đều của theo quy định của pháp luật thì những người hưởng thừa kế tự chia phần di sản thừa kế với nhau. Nếu như tự thỏa thuận được với nhau thì tình cảm giữa những người hưởng thừa kế cũng được đảm bảo đồng thời cũng đảm bảo được chính quyền lợi của họ.

Trong trường hợp chỉ có một người được chỉ định hưởng di sản thừa kế thì sau khi đã trích phần thừa kế cho những người quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phần di sản còn lại sẽ thuộc về người có tên trong di chúc. Nếu người duy nhất được chỉ định hưởng di sản thừa kế mà từ chối quyền hưởng thừa kế thì di sản sẽ được chia theo pháp luật.

*Trường hợp thứ hai:* Chia di sản theo hiện vật, khác với quy định tại khoản 1 thì quy định tại Khoản 2 Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015 người để lại di chúc không chỉ xác định người hưởng di sản thừa kế mà còn phân định cụ thể về hiện vật thừa kế cho từng người thừa kế. Những hiện vật nào được xác định cụ thể cho những người thừa kế nào thì tại thời điểm phân chia di sản thừa kế họ sẽ được nhận đúng tình trạng thực tế của hiện vật đó. Điều này đồng nghĩa với việc nếu như hiện vật đó có phát sinh hoa lợi, lợi tức thì người hưởng thừa kế bằng hiện vật sẽ được hưởng luôn hoa lợi, lợi tức này và ngược lại nếu vật đó bị giảm sút giá trị hoặc bị tiêu hủy thì người này cũng phải chịu

thiệt thòi. Tuy nhiên nếu vật đó bị tiêu hủy do lỗi của người khác thì người nhận hiện vật có quyền yêu cầu người có lỗi làm cho hiện vật đó bị tiêu hủy bồi thường thiệt hại cho mình. *Ví dụ:* Bà A chết để lại tài sản bao gồm có căn nhà và một lô đất trồng cao su rộng 10 ha. Bà để lại di chúc phân chia di sản thừa kế cho hai người con là B và C. Trong di chúc xác định rõ B được hưởng căn nhà và C được hưởng lô đất trồng cao su. Vào thời điểm phân chia di sản thừa kế trùng với vụ thu hoạch mủ cao su. Lúc này, hiện vật mà C được hưởng toàn bộ số hoa lợi phát sinh (tiền bán mủ cao su).

*Trường hợp thứ ba:* Di sản được chia theo tỷ lệ xác định trong di chúc. Người lập di chúc có thể phân chia di sản thừa kế bằng cách ấn định các tỷ lệ của những người thừa kế trên tổng giá trị khối di sản. Các tỷ lệ ( $1/2, 1/3, 1/4, \dots$ ) có thể ấn định cho tất cả những người thừa kế hoặc từng người thừa kế sẽ có những tỷ lệ khác nhau phụ thuộc vào ý chí của người để lại di sản thừa kế. Khi phân chia di sản thừa kế sẽ phân chia theo đúng tỷ lệ đã định trong di chúc trên tổng giá trị tài sản được xác định tại thời điểm phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên nếu có phần di sản không còn vào thời điểm phân chia di sản thừa kế do người thừa kế được hưởng đã sử dụng hết hoặc đã định đoạt thì vẫn tính vào tổng di sản vào thời điểm phân chia và người thừa kế nào đã sử dụng hết hoặc đã định đoạt thì khấu trừ vào phần di sản mà họ được nhận.

*Ví dụ:* Ông A chết để lại di sản là một căn nhà trị giá 200 triệu và số tiền mặt trị giá 600 triệu đồng. Di chúc ông A để lại xác định bà B được hưởng  $1/2$  số di sản, D và C mỗi người được hưởng  $1/4$  số di sản. Tuy nhiên bà B đã sử dụng hết số tiền mặt là 100 triệu đồng cho việc cá nhân. Khi phân chia di sản thừa kế số tiền 100 mà bà B đã sử dụng vẫn được tính vào tổng số di sản chia thừa kế. Theo đó số tài sản bà B được nhận là  $\frac{1}{2} * (200 + 600) - 100 = 300$  triệu đồng,  $C = D = \frac{1}{4} * (200 + 600) = 200$  triệu đồng.

### 2.1.2. Phân chia di sản thừa kế theo tỷ lệ và các nghĩa vụ

Theo nguyên tắc chung của việc chia di sản thừa kế dù là theo pháp luật hay theo di chúc thì trước khi chia thừa kế cần phải xác định nghĩa vụ thanh toán cho những chi phí hợp lý và các nghĩa vụ tài sản (Điều 658 BLDS năm 2015). Tuy nhiên không phải được xác định cho những người thừa kế là đồng nghĩa với việc nghĩa vụ thừa kế là di sản thừa kế. Những nghĩa vụ mà người chết để lại có thể được phát sinh từ các loại hợp đồng như: hợp đồng cho vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản (trong trường hợp mua nhưng chưa trả hết), ... nghĩa vụ đối với nhà nước như thuế hay là xuất phát từ các hành vi vi phạm pháp luật của người đã chết... Việc thanh toán nghĩa vụ có thể được thực hiện bằng hai cách vào hai thời điểm đó là: thứ nhất là thanh toán các nghĩa vụ này trước khi chia di sản thừa kế, sau khi trừ hết các nghĩa vụ tài sản thì phần còn lại sẽ chia cho những người thừa kế hoặc cách thứ hai là chia luôn di sản thừa kế cho những người thừa kế và xác định nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trên cơ sở tỷ lệ chia di sản.

-Trường hợp khi di chúc không quy định rõ việc thực hiện nghĩa vụ. Khi di chúc không có quy định rõ ai là người thực hiện nghĩa vụ và tỷ lệ thực hiện nghĩa vụ là bao nhiêu thì lúc này việc thực hiện nghĩa vụ được xác định dựa trên số tài sản mà từng người thừa kế được hưởng. Ai được hưởng bao nhiêu phần thì sẽ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi tài sản được hưởng thừa kế. Ví dụ: Ông A lập di chúc để lại khối tài sản là 200 triệu đồng. Trong di chúc ông chỉ ghi là chia đều cho bốn người con là: B, C, D, E. Lúc này nếu chia theo như di chúc ông để lại thì  $B=C=D=E= 50$  triệu đồng. Tuy nhiên ông A khi chết vẫn còn số nợ là 80 triệu đồng. Hơn nữa trong di chúc ông không chỉ định ai sẽ là người trả số nợ này cho mình. Nếu sau khi chia di sản mà chưa thanh toán nghĩa vụ nợ thì số nợ này được xác định đều cho cả bốn người con của ông A. Theo đó B, C, D, E đều phải trả số nợ thay cho cha mình là  $80/4= 20$  triệu đồng.



- Trường hợp trong di chúc có xác định rõ tỷ lệ nghĩa vụ mà từng người thừa kế phải thực hiện trong phạm vi tài sản mà mình được hưởng. Người để lại di sản thừa kế có thể chỉ định một hoặc tất cả những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ. Trong trường hợp người để lại di sản chỉ định một người thực hiện tất cả các nghĩa vụ thì có thể xảy ra các khả năng: Chỉ giao nghĩa vụ nhưng không chỉ định hưởng di sản thì không bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ đó, tuy nhiên người được giao nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thì dùng một phần tài sản để thanh toán. Giao nghĩa vụ và được chỉ định hưởng tài sản thì người được giao nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản được hưởng. Giao nghĩa vụ nhưng di sản không còn thì nghĩa vụ chấm dứt, nếu người được giao nghĩa vụ vẫn muốn thực hiện nghĩa vụ thì thực hiện bằng chính tài sản của mình. Trong trường hợp phân nghĩa vụ vượt quá số di sản mà họ được nhận thì được chia đều cho những người khác. *Ví dụ:* Như trường hợp của ông A đã nêu ở phần trên thì nếu ông A có chỉ định B sẽ phải trả thay cho ông A là 30 triệu, số tiền còn lại C, D, E mỗi người sẽ trả là 20 triệu đồng. Nếu như đã phân định rõ như vậy thì số tiền B sẽ phải thực hiện nghĩa vụ là 30 triệu đồng và C, D, E mỗi người là 20 triệu đồng. Tuy nhiên việc thực hiện nghĩa vụ sẽ phức tạp hơn khi ông A giao toàn bộ nghĩa vụ cho B phải trả số tiền nợ 80 triệu. Lúc này số tài sản mà B được hưởng thừa kế (50 triệu) sẽ không đủ để thanh toán nghĩa vụ nợ cho ông A là 80 triệu. Tài sản hưởng thừa kế của B tuy không đủ thanh toán nhưng C, D, E vẫn có khả năng thanh toán số nợ này. Vì vậy căn cứ vào tỉ lệ số tiền nợ và số di sản được hưởng của cả ba người này thì mỗi người sẽ phải thực hiện nghĩa vụ  $C=B=E= 30/3= 10$  triệu đồng.

### **2.1.3 Phân chia di sản thừa kế theo di chúc trong trường hợp người chết để lại di sản thờ cúng và di tặng**

Di sản dùng trong việc thờ cúng và di tặng là hai nội dung được quy định tùy theo ý chí của người lập di chúc. Bởi lẽ không phải trường hợp nào

khi phân chia di sản thừa kế cũng xuất hiện hai nội dung này, đây là hai phần tùy thuộc vào ý chí của người lập di chúc. Vì vậy hai nội dung này có thể có hoặc không có trong việc phân chia di sản thừa kế và chỉ xuất hiện trong trường hợp phân chia di sản thừa kế theo di chúc.

### **2.1.3. 1. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có di tặng**

Di tặng là việc thể hiện ý chí đơn phương của chủ thể để lại di sản thừa kế dành di tặng cho một tổ chức hoặc cá nhân bất kì nhằm thể hiện tình cảm của mình đối với những cá nhân và tổ chức đó. Khoản 1 Điều 646 quy định: *“Di tặng là việc lập di chúc dành một phần di sản để tặng cho người khác...”*. Đối tượng được hưởng di tặng là bất kì tổ chức, cá nhân nào được người chết chỉ định trong di chúc. Tuy nhiên, *“Người được di tặng là cá nhân phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trường hợp người được di tặng không phải là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế”*<sup>1</sup>

Nếu di chúc không ghi rõ là di tặng thì được hiểu là di sản thừa kế theo di chúc. Cũng giống như những người thừa kế thì những người được hưởng di tặng có thể từ chối nhận di tặng. Bởi lẽ việc di tặng chỉ thể hiện ý chí đơn phương của bên để lại di sản di tặng còn nhận di sản di tặng hay không còn phụ thuộc và ý chí của người nhận di tặng.

Điểm khác nhau cơ bản giữa những người được hưởng di tặng và những người thừa kế là ở chỗ người được hưởng di tặng sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại. Trong trường hợp số di sản của người chết để lại không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản thì phần di tặng sẽ được dùng để thanh toán nốt phần nghĩa vụ còn thiếu. Nếu tài sản di tặng là hiện vật mà khi phân chia di sản thừa kế mà vật đó không còn tồn tại thì người hưởng di tặng không có quyền đòi bồi hoàn từ những người hưởng thừa kế. Di sản

---

<sup>1</sup> Khoản 2 Điều 646 Bộ luật Dân sự năm 2015

phân chia di sản thừa kế cho những người hưởng thừa kế được xác định sau khi đã trừ đi phần di sản thuộc về người hưởng di tặng.

Ví dụ: Ông A chết để lại khối di sản là 900 triệu đồng. Trong di chúc để lại ghi rõ: Ông A dành một phần tài sản là 100 triệu đồng cho ông B (bạn thân của ông A) và số di sản còn lại chia đều cho C (vợ ông A), D (là con của ông A). Tuy nhiên khi chết ông còn để lại số nợ là 300 triệu đồng. Khi phân chia di sản thừa kế thì không thanh toán đồng thời nghĩa vụ nợ của ông A mà những người thừa kế đồng ý sẽ thực hiện thanh toán sau khi chia di sản. Lúc này số di sản mà  $C = D = (900 - 100) / 2 = 400$  triệu đồng. Tuy nhiên C và D cũng phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phần di sản được nhận. Khi chết ông A không xác định ai là người trả nợ vì vậy số nợ được xác định theo tỉ lệ chia di sản. Theo đó bà C và D thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay ông A là  $300 / 2 = 150$  triệu. Vậy số di sản mà C và D nhận được cuối cùng chỉ là  $400 - 150 = 250$  triệu đồng. Đối với ông B được xác định là người hưởng di tặng vì vậy ông không phải thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào và số di sản nhận được là 100 triệu đồng như di chúc đã ghi.

### **2.1.3.2. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có di sản thờ cúng**

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng đã tồn tại ở nước ta từ rất lâu đời. Thờ cúng ông bà tổ tiên là một việc làm không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Việt. Đạo làm con thì phải chăm sóc cha mẹ khi cha mẹ già ốm và khi cha mẹ mất đi phải thờ cúng cha mẹ. Đây là một nét đẹp trong văn hóa con người Việt Nam thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Đã là đạo hiếu thì không cần người đã chết để lại di sản thì con cái mới có nghĩa vụ thờ cúng mà cả khi người đó không để lại tài sản thì đã làm con vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thờ cúng. Tuy nhiên khi về cái tuổi đã gần đất xa trời ngoài việc lo cho cuộc sống của con cái mình sau này họ còn nghĩ về việc thờ cúng của chính mình và ông bà tổ tiên khi họ chết. Dùng tài sản của chính mình để thực hiện việc thờ cúng của mình và ông bà, tổ tiên là một quyền hoàn toàn chính

đáng. Khoản 1 Điều 670 BLDS năm 2015 quy định: “ Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng”. Theo đó, di sản thờ cúng không chỉ do người để lại di sản quyết định mà những người thừa kế cũng có quyền thỏa thuận phần di sản dùng trong việc thờ cúng. Những người thừa kế có thể thỏa thuận các nội dung chia thừa kế cũng như quyết định việc dành một phần di sản thừa kế để thờ cúng. Khi trích ra một phần tài sản dùng trong việc thờ cúng và giao cho một người chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện việc thờ cúng thì việc thờ cúng sẽ được thực hiện tốt hơn. Theo quy định, toàn bộ tài sản của người chết là một khối di sản, một phần của một khối di sản đó sẽ là: nếu chia di sản ra làm hai hay nhiều phần thì người lập di chúc không được dành lại quá một phần của khối di sản đó. Do vậy, nếu người lập di chúc định đoạt vượt quá 1/2 di sản, khi mở thừa kế sẽ để lại 1/2 di sản để thờ cúng, phần còn lại chia theo di chúc hoặc chia theo pháp luật. Vấn đề này cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể để tránh việc áp dụng tùy tiện.

Nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ thể mang quyền trong việc thanh toán các nghĩa vụ Khoản 2 Điều 645 BLDS năm 2015 quy định: “Trong trường hợp toàn bộ di sản của người chết để lại không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người đó thì không được dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng.” Theo quy định này thì khi nghĩa vụ tài sản của người chết để lại lớn hơn tổng giá trị tài sản chia thừa kế thì phần còn thiếu sẽ được lấy ra từ phần di sản được dùng trong việc thờ cúng. Nếu nghĩa vụ tài sản lớn hơn tổng khối di sản thừa kế thì không tồn tại phần di sản dùng trong việc thờ cúng. Quy

định này sẽ tránh được trường hợp lạm dụng quy định về quyền để lại di sản thờ cúng để trốn tránh các nghĩa vụ mà người chết để lại.

*Ví dụ:* Bà A chết có để lại di chúc chia di sản thừa kế gồm số tiền mặt trị giá 200 triệu đồng và một căn nhà trị giá 500 triệu đồng. Do bà chỉ có một người con đó là chị B nên bà đã để lại toàn bộ số tiền mặt là 200 triệu cho C (là cháu trai) để thực hiện việc quản lý và thực hiện việc thờ cúng bà sau này. Chị B được hưởng căn nhà trị giá 500 triệu đồng. Tuy nhiên bà A còn nợ ngân hàng số tiền là 600 triệu đồng. Vì vậy số di sản chia thừa kế cho chị B không đủ để thực hiện nghĩa vụ của bà A và số nợ còn lại là  $600 - 500 = 100$  triệu sẽ được lấy ra từ di sản dùng trong việc thờ cúng. Số di sản dùng trong việc thờ cúng sau khi được lấy ra để thanh toán nghĩa vụ sẽ còn lại  $200 - 100 = 100$  triệu đồng.

Di sản dùng trong việc thờ cúng là một loại di sản mang ý nghĩa tâm linh đặc biệt. Tài sản chia thừa kế được xác định sau khi đã trừ đi phần di sản dùng trong việc thờ cúng. So với những quy định trước đây thì quy định về di sản dùng trong việc thờ cúng đã được hoàn thiện hơn tuy nhiên việc quy định về giá trị và số lượng tài sản vẫn chưa được quy định rõ ràng. Vì vậy dễ dẫn đến tình trạng hiểu sai các quy định và thực hiện không đúng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người thừa kế. Bởi vậy cần có những quy định cụ thể hơn về phần di sản thừa kế này.

#### **2.1.4. Phân chia di sản thừa kế theo di chúc trong trường hợp có người thừa kế theo Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015**

Người lập di chúc có quyền định đoạt số tài sản để lại thừa kế, họ có thể chỉ định người hưởng thừa kế cũng như số tài sản mà những người này được hưởng là bao nhiêu. Pháp luật tôn trọng và bảo vệ quyền về tài sản này của họ. Tuy nhiên ngoài việc đảm bảo thực hiện các quyền thì pháp luật cũng thể hiện tính công bằng trong việc đảm bảo quyền và lợi ích của một số người thừa kế theo pháp luật. Những đối tượng được quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự

2015 là những đối tượng nếu như phân chia di sản thừa kế theo pháp luật thì họ là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Nhưng họ không được người để lại di sản cho hưởng hoặc chỉ hưởng nhưng ít hơn 2/3 suất thừa kế mà theo pháp luật thì họ đáng được hưởng. Nếu như không tồn tại di chúc thì họ sẽ được hưởng nhiều hơn 2/3 suất thừa kế, họ bình đẳng với những người thừa kế khác. Tuy nhiên không phải người thừa kế nào ở hàng thừa kế thứ nhất cũng được hưởng thừa kế theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chỉ có những người là: con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ chồng; con đã thành niên không có khả năng lao động. Nếu họ từ chối hưởng di sản hoặc không có quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 620 hoặc Khoản 1 Điều 621 BLDS năm 2015.

#### □ Công thức tính = $\frac{2}{3} \times$ (Tổng di sản thừa kế: nhân suất)

*Lưu ý:* Nhân suất không bao gồm 3 nhóm người sau đây:

- Người TK chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người để lại di sản thừa kế mà không có người thừa kế thế vị (Nếu họ có người thế vị thì vẫn tính như bình thường)
- Người từ chối không nhận di sản thừa kế;
- Người không được hưởng di sản thừa kế theo Điều 621 (người bị tước)

Phần di sản dành cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc là phần di sản được trích ra từ khối di sản thừa kế sau khi đã thanh toán các nghĩa vụ về tài sản. Sau khi đã thanh toán các nghĩa vụ thì có thể xác định phần thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc trong hai trường hợp:

Sau khi thanh toán xong các nghĩa vụ thì xác định luôn suất thừa kế 2/3 của người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Theo đó tài sản chia cho những người thừa kế sẽ được xác định sau khi đã trừ đi số di sản của những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc. Số tài sản mà những người thừa kế được chia sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của họ.

- Nếu việc phân chia thừa kế được chia khi chưa thanh toán các nghĩa vụ tài sản thì mỗi người thừa kế phải thực hiện các nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản của mình. Sau khi đã thanh toán xong các nghĩa vụ tài sản thay cho người chết thì di sản thừa kế còn lại sẽ thực hiện tiếp việc trả lại số di sản thừa kế cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc theo tỉ lệ tài sản đã được hưởng.

Di sản chia cho những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc được xác định bằng tổng số di sản thừa kế sau khi đã thanh toán các nghĩa vụ. Điều này đồng nghĩa với việc sẽ ảnh hưởng đến những phần đã được định đoạt trong di chúc không chỉ có di sản phân chia thừa kế mà còn bao gồm cả di sản dùng để di tặng và di sản thờ cúng. Bởi lẽ đây là phần phân chia di sản thừa kế nằm ngoài nội dung của di chúc, không phụ thuộc vào nội dung của di chúc. Vì vậy phần dành cho thờ cúng hay di tặng sẽ bị ảnh hưởng nếu như không đủ 2/3 suất thừa kế theo quy định của pháp luật.

Việc đảm bảo quyền hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc được quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự 2015 nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của những người mà khi còn sống thì người để lại di sản có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho họ. Pháp luật không phải không tôn trọng ý nguyện của người đã khuất mà pháp luật đang giúp họ thực hiện hết những nghĩa vụ và món nợ không chỉ là về vật chất mà còn về mặt tình cảm. Không phải cứ chết là chấm dứt hết mọi mối liên quan giữa con người với con người, khi chết chưa thực hiện hết được những nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc những người mình có trách nhiệm thì khi chết đi sẽ dùng một phần tài sản của mình để thực hiện một phần nghĩa vụ đó. Như đã phân tích ở trên không phải đối tượng nào cũng thuộc đối tượng hưởng thừa kế theo Điều 644 Bộ luật dân sự 2015 mà đây là những đối tượng “đặc biệt” và có quan hệ gần gũi nhất đối với người để lại di sản. Chăm sóc cha, mẹ là bổn phận của con cái phải thực hiện suốt cuộc đời mình vì vậy cho dù họ không chỉ định cha, mẹ là người thừa kế

theo di chúc thì họ vẫn được hưởng 2/3 suất thừa kế mà họ đáng ra phải được hưởng. Người hưởng 2/3 suất thừa kế là con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động cũng là một trong các đối tượng cần được bảo vệ và đảm bảo lợi ích của mình. Những người này trên thực tế họ không thể tự lo cho cuộc sống của chính bản thân mình, người để lại di sản khi còn sống hoặc thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng họ.

Người được hưởng thừa kế theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 không chỉ bao gồm những người xuất hiện vào thời điểm chia di sản thừa kế mà trong trường hợp người hưởng thừa kế là thai nhi, người thừa kế mới... cũng có tư cách hưởng thừa kế giống như những người thừa kế khác.

## **2.2. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật**

Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là cách thức phân chia di sản dựa trên các nguyên tắc, thủ tục và phương thức do pháp luật quy định. Nếu **chia di sản** theo di chúc thể hiện được ý chí của người để lại di sản thì phân chia di sản theo pháp luật dựa trên các mối quan hệ về huyết thống, hôn nhân và nuôi dưỡng **đối với** người để lại di sản. Theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“1. Khi phân chia di sản nếu có người thừa kế cùng hàng đã thành thai nhưng chưa được sinh ra thì phải dành lại một phần di sản bằng phần mà người thừa kế khác được hưởng, để nếu người thừa kế đó còn sống khi sinh ra thì được hưởng; nếu chết trước khi sinh ra thì những người người thừa kế khác được hưởng.*

*2. Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều cho bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận cho việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia.”*

Tuy nhiên để phân chia di sản theo pháp luật thì không chỉ căn cứ vào Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà còn phải căn cứ vào các quy định khác về thừa kế của BLDS để xác định người thừa kế, cách chia thừa kế...



### **2.2.1. Xác định những người hưởng thừa kế và suất thừa kế theo pháp luật**

Muốn chia thừa kế trước tiên phải xác định được những người hưởng thừa kế là những ai-

Theo quy định tại Điều 651 BLDS năm 2015 thì những người hưởng thừa kế sẽ được chia làm ba hàng tương ứng với thứ tự hưởng thừa kế khác nhau. Ba hàng thừa kế theo pháp luật bao gồm:

- Hàng thứ nhất gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;
- Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;
- Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

Thứ tự thừa kế cũng sắp xếp theo thứ tự của ba hàng. Người thừa kế ở hàng sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn người thừa kế ở hàng thừa kế trước đó. Không có người thừa kế ở hai hàng khác nhau cùng được hưởng di sản theo pháp luật.

Những người ở hàng thừa kế thứ nhất sẽ được ưu tiên hàng đầu bởi giữa họ có mối quan hệ thân thuộc, thiêng liêng và gần gũi nhất. Hàng thừa kế thứ nhất được xác định trên cả ba mối quan hệ: quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân, quan hệ nuôi dưỡng. Tuy nhiên những người này sẽ không được hưởng di sản nếu như vi phạm Khoản 1 Điều 644 BLDS năm 2015 hoặc bị tước quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản. Lúc này, ngoài những người trên, không còn ai ở hàng thừa kế thứ nhất thì những người ở hàng thừa kế thứ

hai sẽ được ưu tiên hưởng di sản. Hàng thừa kế thứ ba cũng vậy, sẽ được nhận di sản nếu không ai ở hàng thừa kế thứ hai.

Về nguyên tắc, những cá nhân thuộc hàng thừa kế được hưởng phần di sản ngang nhau (Khoản 2 Điều 651 BLDS năm 2015). Theo đó thì nếu được hưởng thừa kế thì những người thừa kế ở một hàng sẽ được hưởng theo tỷ lệ là bằng nhau không phân biệt về tuổi tác, giới tính, huyết thống. Một suất thừa kế được tính trong một hàng thừa kế là: Tổng số di sản chia thừa kế/tổng số người hưởng thừa kế. Ví dụ: Bà A chết để lại khối di sản là 150 triệu đồng. Bà chết không để lại di chúc và cũng không nghĩa vụ tài sản nào cần thanh toán. Trong gia đình bà gồm có: hai người con trai là C, D (đã lập gia đình và có một người cháu nội) và chồng của bà là ông B. Vì bà A không để lại di chúc nên theo Khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015 thì những người được hưởng di sản thừa kế của bà A bao gồm: ông B, C và D. Theo đó số di sản mà mỗi người được hưởng sẽ là:  $B=C=D=150/3 = 50$  triệu đồng.

### **2.2.2. Phương thức phân chia di sản thừa kế**

Dù là phân chia di sản thừa kế theo di chúc hay theo pháp luật thì đều phải áp dụng hai phương thức đó là chia di sản theo hiện vật hoặc theo giá trị. Thừa kế theo di chúc thì không có quy định cụ thể về vấn đề này nhưng xét trong từng quy định về các cách chia di sản thừa kế được quy định tại Điều 659 Bộ Luật dân sự năm 2015 (nếu người để lại di sản chia theo tỷ lệ trên tổng khối tài sản tại khoản 3 điều 659 Bộ Luật dân sự 2015 thì được xác định là chia theo giá trị...). Tuy nhiên khi chia thừa kế theo pháp luật thì hai phương thức này được quy định rõ và cụ thể tại Khoản 2 Điều 659 BLDS năm 2015. Theo đó phương thức phân chia di sản thừa kế bao gồm:

- Chia di sản thừa kế theo hiện vật: Chia di sản theo hiện vật được hiểu là một phương thức chia di sản bằng cách dùng trực tiếp các hiện vật tồn tại như nhà cửa, vườn bãi, xe cộ... để chia cho những người thừa kế. Nếu như trong thừa kế theo di chúc thì các hiện vật được người để lại di sản định đoạt cụ thể cho

từng người nhưng đối với chia di sản theo pháp luật thì có thể do sự thỏa thuận của những người thừa kế hoặc do Tòa án chỉ định hưởng thừa kế. khi phân chia di sản theo hiện vật thì có thể xảy ra các trường hợp:

Di sản bao gồm nhiều hiện vật và giá trị tài sản mỗi hiện vật là không bằng nhau. Lúc này trên cơ sở thỏa thuận hoặc thuê người định giá xác định giá trị của từng hiện vật sau đó xác định một suất thừa kế theo pháp luật là bao nhiêu để chia di sản. Người nào nhận hiện vật mà có giá trị lớn hơn một suất thừa kế thì phải trả lại giá trị phần vượt quá đó, ngược lại nếu nhận được hiện vật có giá trị thấp hơn thì được bù phần đã bị thiếu. Ví dụ: ông A chết để lại số di sản là một ngôi nhà và một chiếc xe ô tô. Ông chết không để lại di chúc. Ông có hai con là B và C. Sau khi định giá xác định giá trị của ngôi nhà là 600 triệu đồng và chiếc ô tô là 200 triệu đồng. B và C là những người hưởng thừa kế theo pháp luật của ông A vì vậy số giá trị tài sản hai người được hưởng là  $(600+200)/2 = 400$  triệu. Theo thỏa thuận thì B nhận ngôi nhà và C nhận chiếc xe. Nếu nhận tài sản là ngôi nhà thì B đã vượt quá số tài sản là  $600-400= 200$  triệu. Số tiền này được chuyển cho C.

Di sản là hiện vật có thể chia được thì lúc này việc chia thừa kế sẽ đơn giản hơn so với trường hợp trên. Sau khi xác định suất thừa kế thì tiến hành chia trực tiếp các hiện vật cho những người thừa kế. Ví như di sản của người để lại di sản là 3 con bò và có 3 người thuộc diện được hưởng di sản của kế thì trong trường hợp này 3 con bò sẽ được chia đều cho những người được hưởng di sản.

- Chia di sản theo giá trị: Đây là một phương thức được sử dụng khi không thể phân chia di sản theo hiện vật hoặc theo thỏa thuận của những người thừa kế. Phương thức này được hiểu là phương thức định giá của di sản thừa kế thành tiền để chia cho những người thừa kế. Người nhận hiện vật phải thanh toán cho người thừa kế không nhận hiện vật giá trị một suất thừa kế. Trường hợp không có người thừa kế nhận hiện vật thì hiện vật đó sẽ bán lấy

tiền chia thừa kế. Phương thức này thể hiện sự linh động trong cách chia di sản theo quy định của pháp luật. Nếu như những người thừa kế không muốn nhận hiện vật, không có khả năng nhận hiện vật hoặc nhận hiện vật nhưng hiện vật không chia được thì đây là một giải pháp tốt để chia di sản thừa kế.

### **2.2.3. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có người thừa kế thế vị**

Về nguyên tắc thì khi chia di sản thừa kế theo pháp luật thì hàng thừa kế thứ nhất được ưu tiên chia trước và chia hết. Tuy nhiên những người là cháu, **chắt** (thuộc hàng thừa kế thứ hai hoặc thứ ba) vẫn được hưởng thừa kế nếu như thuộc trường hợp quy định tại Điều 652 BLDS năm 2015 và được gọi là thừa kế thế vị. Thừa kế thế vị được quy định: *“Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chắt được hưởng phần di sản mà cha mẹ của chắt được hưởng khi còn sống”*.

Thừa kế thế vị chỉ xuất hiện trong trường hợp chia di sản thừa kế theo pháp luật. Bởi lẽ khi thừa kế theo di chúc mà người được chỉ định thừa kế trong di chúc chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì phần di chúc có liên quan sẽ không còn hiệu lực. Phần di sản này được chia cho những người thừa kế thế vị giống như trường hợp chia thừa kế theo quy định chung về chia di sản thừa kế theo pháp luật. Quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cháu, các chắt khi mà cha, mẹ họ đã chết trước ông bà. Họ hưởng tài sản bình đẳng với những người thuộc hàng thừa kế với bố mẹ họ hay những người thừa kế khác trong di chúc.

### **2.2.4. Chia di sản thừa kế trong trường hợp vợ chồng đã chia tài sản chung, đang xin ly hôn, kết hôn với người khác**

Quan hệ thừa kế trong trường hợp này dựa trên cơ sở của quan hệ hôn nhân vì vậy khi một bên chết nhưng trên phương diện pháp lý thì quan hệ này

vẫn còn tồn tại thì họ vẫn có quyền hưởng di sản của nhau. Điều 655 BLDS năm 2015 quy định về việc thừa kế trong trường hợp vợ chồng đã chia tài sản chung; vợ chồng đang xin ly hôn hoặc đã kết hôn với người khác như sau:

Trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung khi hôn nhân của họ còn tồn tại mà sau đó một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.

Trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người sống thì người kia vẫn được hưởng di sản. Trường hợp này thì xét trên phương diện pháp lý quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại. Hôn nhân chỉ kết thúc khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án. Vì vậy hôn nhân vẫn tồn tại và họ vẫn có quyền hưởng di sản thừa kế của người kia.

Trường hợp người đang là vợ hoặc chồng của một người tại thời điểm người đó chết thì dù sau đó kết hôn với người khác vẫn được hưởng di sản. Thời điểm người để lại di sản thừa kế chết chính là thời điểm mở thừa kế theo Điều 611 BLDS năm 2015: Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.....Vậy người đang là vợ hoặc chồng của một người tại thời điểm người đó chết thì dù sau đó (tức là thời điểm chia di sản thừa kế) họ có kết hôn với người khác thì vẫn được hưởng di sản thừa kế.

### **2.3. Phân chia di sản thừa kế trong các trường hợp đặc biệt**

#### **2.3.1. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp người hưởng di sản thừa kế là thai nhi**

Thai nhi được pháp luật bảo vệ quyền hưởng di sản thừa kế và là một “người” hưởng thừa kế đặc biệt. Đây là một quy định được thừa kế của những quy định trong các bộ dân luật Bắc Kỳ (Điều 313), Bộ dân Luật Trung kỳ (Điều 305) và Bộ dân luật Sài Gòn (Điều 501). Khoản 1 Điều 613 BLDS năm 2015 quy định: *“Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành*

*thai trước khi người để lại di sản chết.*” Đây là một quy định nhằm đảm bảo quyền hưởng thừa kế mà tại thời điểm chia thừa kế chưa được sinh ra.

Để được hưởng quyền thừa kế thì thai nhi cũng cần có những điều kiện nhất định. Thai nhi chỉ được hưởng thừa kế khi đã thành thai vào thời điểm mở thừa kế hoặc trước thời điểm mở thừa kế, sinh ra và còn sống vào thời điểm mở thừa kế. Xét về điều kiện sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế theo quy định tại Khoản 1 Điều 613 BLDS năm 2015 thì còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Tuy nhiên một đứa trẻ sinh ra và được xã hội công nhận sự tồn tại của nó khi nó được khai sinh. Hiện nay chưa có văn bản nào giải thích rõ hiểu như thế nào là “trẻ sinh ra và còn sống”. Tại Điều 15 của Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: *“Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em”* Căn cứ theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 158/2005 ND-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về quản lý hộ tịch thì : *“ Trẻ em sinh ra và sống được từ 24 giờ trở lên rồi mới chết cũng phải đăng kí khai sinh và đăng kí khai tử. Nếu cha, mẹ không đi đăng kí khai sinh và khai tử thì cán bộ hộ tịch tư pháp tự xác định nội dung để ghi vào Sổ khai sinh và Sổ khai tử. Trong cột ghi chú của Sổ đăng kí khai sinh và sổ đăng kí khai tử phải ghi rõ “Trẻ chết sơ sinh”.* Vì vậy, có thể xác định được là điều kiện còn sống ở đây là sống được từ 24 giờ trở lên. Điều đó đồng nghĩa với việc nếu đứa trẻ đó sinh ra nhưng chỉ sống được một thời gian (24h+) thì phần di sản đó được chia cho chính những người thừa kế của đứa trẻ đó, còn nếu đứa trẻ được sinh ra nhưng sống được dưới 24h hoặc chết trước khi sinh ra thì di sản thừa kế sẽ được chia cho những người thừa kế khác.

Một điều kiện khác cũng được những người thừa kế khác quan tâm nữa đó là huyết thống của thai nhi. Liệu nếu thai nhi đó không phải là con của người

để lại di sản thì có được hưởng di sản thừa kế hay không? Để trả lời cho câu hỏi này thì phải xét trong từng trường hợp cụ thể. Nếu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật thì bắt buộc thai nhi phải là con của người để lại di sản thừa kế mới được hưởng thừa kế. Bởi lẽ chỉ khi là con ruột của người để lại di sản thì thai nhi đó mới có tư cách hưởng di sản ngang bằng với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Nếu chứng minh được đứa trẻ sinh ra không phải là con của người để lại di sản thừa kế thì đứa trẻ đó không được hưởng thừa kế. Tuy nhiên khi phân chia di sản theo di chúc thì người lập di chúc có thể chỉ định quyền hưởng thừa kế cho bất kì ai, do đó, người đã thành thai, sinh ra và còn sống sau khi người để lại di sản chết là con của bất kì ai mà người lập di chúc muốn cho hưởng. Có thể xảy ra hai trường hợp:

- Nếu người lập di chúc chỉ rõ người lập di chúc muốn để lại di sản cho người đã thành thai và nói rõ là con của cha, mẹ nào, thì phải xác định người đó đã thành thai vào thời điểm mở thừa kế, và người đó phải là con của cha, mẹ đã được nêu trong di chúc.

- Trong trường hợp người để lại di sản không nói rõ là con của cha, mẹ nào, thì chỉ cần xác định người đó đã thành thai vào thời điểm mở thừa kế, sinh ra và còn sống sau khi người để lại di sản chết. Người đó sẽ có quyền hưởng di sản theo di chúc mà không cần xác định cha là ai.

Trường hợp sinh đôi trở lên thì việc thừa kế có thể phải chia lại để đảm bảo nguyên tắc hưởng di sản bằng nhau của những người thừa kế. Tuy nhiên khi di sản thừa kế khi đã được chia rồi thì việc tiến hành chia lại sẽ gặp nhiều phức tạp. Vì vậy với công nghệ ngày càng hiện đại thì trước khi chia thừa kế cần chuẩn đoán và xác định thai nhi là một hay nhiều thai nhi để thuận lợi trong việc chia thừa kế.

### **2.2.2. Phân chia di sản thừa kế trong trường hợp có người thừa kế mới**

Sự vật không ngừng biến đổi và sự biến đổi nào cũng kéo theo một sự biến đổi khác nữa trong mối quan hệ giữa chúng và thế giới quan. Sự xuất hiện

người thừa kế mới cũng vậy, nó làm thay đổi quan hệ thừa kế với sự xuất hiện của một người mang tư cách thừa kế và bình đẳng với những người thừa kế khác. Những người thừa kế mới có thể là :

- Con của người để lại di sản chết sinh ra và còn sống sau thời điểm đã phân chia di sản thừa kế (trong trường hợp thai hai, ba ... nhưng tại thời điểm chia thừa kế được xác định là thai một.

- Người được Tòa án xác nhận là con của người để di sản nhưng quyết định hoặc bản án của tòa án có hiệu lực sau thời điểm chia di sản thừa kế.

Người được Tòa án xác nhận là cha mẹ của người để lại di sản nhưng quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực sau thời điểm chia di sản thừa kế.

- Con của người để lại di sản bị Tòa án tuyên bố là đã chết trước thời điểm người để lại di sản chết nhưng có tin tức xác thực là đang còn sống hoặc trở về sau thời điểm chia di sản thừa kế.

- Cha, mẹ người để lại di sản bị Tòa án tuyên bố là đã chết trước thời điểm người để lại di sản chết nhưng có tin tức xác thực là đang còn sống hoặc trở về sau thời điểm chia di sản thừa kế.

Nếu xuất hiện người thừa kế mới thì theo quy định tại Khoản 1 Điều 662 BLDS 2015 : *“Trong trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thoả thuận khác.”* Như vậy để đảm bảo được lợi ích của những người thừa kế mới pháp luật đã quy định trách nhiệm thanh toán phần còn thiếu cho những người thừa kế. Khác với phân chia di sản thừa kế lúc đầu khi chia thừa kế lại những người thừa kế không phân chia bằng hiện vật mà để thuận lợi hơn cho việc nhận di sản lúc này người thừa kế mới sẽ nhận phần di sản bằng giá trị. Việc chia di sản bằng hiện vật là phương thức chia di sản một cách rõ ràng nhất tuy



nhiên nhiều hiện vật sẽ không có tác dụng khi bị chia nhỏ hoặc hiện vật đã bị giảm sút giá trị sau thời điểm chia di sản thừa kế. Chia bằng giá trị là phương thức chia thích hợp nhất trong trường hợp này. Tuy nhiên theo nguyên tắc tự do thỏa thuận trong luật Dân sự thì những người thừa kế (bao gồm cả người thừa kế mới) có thể thỏa thuận phương thức chia di sản thừa kế.

### **2.3.3. Phân chia di sản trong trường hợp có người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế**

Cả hai trường hợp phân chia lại di sản thừa kế được quy định tại Điều 662 BLDS năm 2015 đều dẫn đến việc chia lại di sản thừa kế. Tuy nhiên chia di sản trong trường hợp có người thừa kế mới và có người bị bác bỏ quyền thừa kế hậu quả pháp lý là hoàn toàn trái ngược nhau. Cả hai trường hợp này đều xảy ra khi đã phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên nếu như trường hợp có người thừa kế mới thì làm xuất hiện một người bình đẳng về tư cách hưởng thừa kế với những người thừa kế khác thì trường hợp người bị bác bỏ quyền thừa kế lại mất đi tư cách của một người thừa kế. Điểm khác biệt này đã dẫn đến sự khác biệt của hậu quả pháp lý trong việc chia di sản thừa kế.

Người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế được hiểu là những người đã được nhận di sản thừa kế của người chết để lại nhưng họ lại không có quyền hưởng di sản thừa kế vì họ đã vi phạm Khoản 1 Điều 621 BLDS năm 2015. Những người thừa kế có quyền yêu cầu Tòa án và được Tòa án chấp thuận hoặc cũng có thể từ đầu họ đã không phải là người được hưởng quyền thừa kế. Ngoài ra người bị bác bỏ quyền hưởng di sản của người chết vì đã được tòa án xác nhận là con hoặc là cha, mẹ của người chết bằng một bản án hoặc quyết định lại bị mất hiệu lực do bị hủy. Khoản 2 Điều 662 BLDS năm 2015 quy định: “ *Người bị bác bỏ quyền hưởng thừa kế thì phải trả lại di sản đã được nhận và di sản này được chia cho những người thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản. Nếu không thể trả lại di sản đã sử dụng hết, đã bị mất, hoặc đã chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng thì người bị bác bỏ quyền thừa kế phải*

*thanh toán một khoản tiền tương đương với giá trị di sản được hưởng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

#### **2.4. Hạn chế phân chia di sản thừa kế**

Một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất của những người thừa kế là quyền yêu cầu chia di sản thừa kế. Tuy nhiên không phải lúc nào người thừa kế yêu cầu thì sẽ chia di sản thừa kế. Nhằm đảm bảo sự tôn trọng ý chí của người để lại di sản đồng thời nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống của những người thừa kế trong một số trường hợp nhất định Điều 661 BLDS năm 2015 đã quy định các trường hợp bị hạn chế chia di sản thừa kế. Các trường hợp sau đây sẽ bị hạn chế chia di sản thừa kế:

*Trường hợp thứ nhất:* Bị hạn chế về mặt thời gian hoặc một sự kiện được người để lại di sản dự trù trong di chúc. Khi hết một thời hạn nhất định hoặc đã xảy ra một sự kiện mà được ghi nhận trong di chúc thì việc phân chia di sản thừa kế mới được diễn ra, Căn cứ theo Điều 661 Bộ luật Dân sự năm 2015 Ví dụ : Ông A chết để lại di chúc phân chia di sản cho vợ và các con của ông. Ngoài C và D là con chung của ông với vợ là bà B thì ông còn có một con riêng là E. Trong di chúc để lại xác định là di sản thừa kế chỉ được phân chia khi E lập gia đình. Sau khi ông A chết thì di chúc của ông có hiệu lực pháp luật nhưng những người thừa kế lại không được phân chia di chúc luôn mà phải đợi đến lúc E lập gia đình. Tuy nhiên cũng qua ví dụ này có thể thấy một bất cập đó là chưa có một quy định rõ ràng nào giới hạn về thời gian hạn chế phân chia di sản. Nếu xảy ra trường hợp E không lập gia đình hoặc lập gia đình sau khi hết thời hiệu thừa kế (10 năm) thì di sản thừa kế có được chia hay không. Về nguyên tắc, khi hết thời hiệu thừa kế thì người thừa kế mất quyền khởi kiện, cho nên không thể chia được. Vì thế, nếu người lập di chúc chỉ định thời hạn chia di sản thì thời hạn đó không được quá 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế.

*Trường hợp thứ hai:* Có người thừa kế yêu cầu chia di sản (mặc dù không có di chúc của người để lại di sản hoặc có nhưng người lập di chúc không thể hiện ý chí về thời hạn phân chia di sản) mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người vợ hoặc người chồng đang còn sống của người để lại di sản và của gia đình thì vợ (hoặc chồng) của người để lại di sản có quyền yêu cầu tòa án xác định phân di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia thừa kế trong một thời gian nhất định. Quy định này nhằm đảm bảo cho cuộc sống của người vợ hoặc chồng không bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tạo thời gian để họ chuẩn bị cho một cuộc sống mới. Ví dụ: Anh A (con trai bà B) chết có để lại di sản là ngôi nhà do bà B đã tặng anh khi anh cưới chị C. Anh A cũng để lại thừa kế ngôi nhà cho chị C. Do có mâu thuẫn từ trước khi anh A mất nên chị C yêu cầu tòa án phân chia di sản thừa kế và không muốn sống cùng với bà B. Do anh A là con trai duy nhất và ngôi nhà cũng là tài sản duy nhất của bà B nhưng bà đã tặng cho con. Nếu phân chia di sản thừa kế thì bà B không còn nơi ở (cho dù bà vẫn được hưởng suất thừa kế = 2/3 theo quy định tại Điều 644 Bộ luật dân sự 2015). Vì vậy nếu xét trong trường hợp này thì cần áp dụng quy định về hạn chế phân chia di sản thừa kế nhằm đảm bảo được chỗ ở cho bà B và giúp bà có thời gian tìm nơi ở mới cho mình.

Việc phân chia thì kế sẽ diễn ra nếu hết thời hạn do Tòa án xác định hoặc bên còn sống đã kết hôn với người khác thì những người thừa kế khác có quyền yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế. Đây là một quy định phù hợp với đạo đức xã hội, nhằm đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của vợ hoặc chồng sau khi người kia mất. Quy định này cũng được ghi nhận trong Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: “*Trong trường hợp việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của vợ hoặc chồng còn sống, gia đình thì vợ, chồng còn sống có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế phân chia di sản theo quy định của Bộ luật dân sự.*” (Khoản 3 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Nhìn chung các quy định của pháp luật về phân chia di sản thừa kế đã được xây dựng một cách hoàn chỉnh hơn. Qua sự phân tích cụ thể những quy định của BLDS về phân chia di sản thừa kế không chỉ thấy được sự phù hợp của các quy định này mà còn thấy được những điểm còn hạn chế của các quy định này. Trên cơ sở đó đưa ra được những nhận xét và kiến nghị hoàn thiện tại chương 3.

## CHƯƠNG 3

### THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ

#### 3.1. Tình hình giải quyết các tranh chấp dân sự

Theo báo cáo tổng kết toà án năm 2020 và nhiệm kỳ năm 2016-2020 của Toà án nhân dân tối cao thì các tranh chấp về dân sự đang có xu hướng gia tăng, trong đó có các tranh chấp liên quan đến phân chia di sản thừa kế. Trong nhiệm kỳ, các Tòa án đã thụ lý 1.894.472 vụ việc; đã giải quyết, xét xử được 1.842.684 vụ việc, đạt tỷ lệ 97,3%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết của Quốc hội đề ra (so với nhiệm kỳ trước, thụ lý tăng 523.966 vụ việc; giải quyết tăng 496.752 vụ việc). Trong đó, năm 2020 các Tòa án đã thụ lý 448.025 vụ việc dân sự; đã giải quyết 400.651 vụ việc dân sự, đạt tỷ lệ 89%. Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy là 0,64% (do nguyên nhân chủ quan 0,46%); bị sửa là 1,2% (do nguyên nhân chủ quan 0,6%). Một số Tòa án địa phương có tỷ lệ giải quyết các việc dân sự cao là: Tòa án nhân dân các tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Ninh Bình, Bắc Ninh, Nam Định, Thái Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Đắk Nông, Đồng Nai ... Chất lượng xét xử các vụ án ngày càng được nâng cao, đội ngũ thẩm phán và cán bộ toà án cũng đang được nâng cao về chất lượng.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì còn tồn tại một số điểm hạn chế, thiếu sót trong công tác xét xử của Toà án. Số lượng các vụ án dân sự để quá thời hạn giải quyết còn nhiều; còn có những bản án tuyên không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án dân sự. Có Tòa án chưa xem xét đầy đủ yêu cầu của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, dẫn tới giải quyết không đủ hoặc vượt quá yêu cầu của đương sự. Nhiều vụ án còn chưa được giải quyết dứt điểm, còn tình trạng án tồn đọng gây khó khăn cho đương sự.

#### 3.2. Những bất cập còn tồn tại trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về phân chia di sản thừa kế

### **3.2.1. Áp dụng quy định về hình thức của thoả thuận phân chia di sản thừa kế**

Hình thức của văn bản thoả thuận dân sự là một trong những điều kiện để xem xét hiệu lực của các thoả thuận đó. Thoả thuận chia di sản thừa kế cũng là một thoả thuận dân sự. Tuy nhiên hiện nay quy định về hình thức của văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế chưa được quy định rõ ràng. Vì vậy trong quá trình giải quyết các vụ án liên quan đến hình thức của văn bản thoả thuận phân chia tài sản việc giải quyết gặp nhiều khó khăn và khi đã giải quyết xong còn không ít các câu hỏi được đặt ra.

Theo quy định của Luật công chứng 2014 có quy định về hình thức văn bản thoả thuận có liên quan đến hoạt động phân chia di sản thừa kế. Có hai hình thức văn bản hiện nay đó là Văn bản thoả thuận phân chia di sản và Văn bản khai nhận di sản.

Theo đó, Văn bản thoả thuận phân chia di sản được thực hiện trong trường hợp “Những người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc mà trong di chúc không xác định rõ phần di sản được hưởng của từng người thì có quyền yêu cầu công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản. Trong văn bản thoả thuận phân chia di sản, người được hưởng di sản có thể tặng cho toàn bộ hoặc một phần di sản mà mình được hưởng cho người thừa kế khác”.

Bên cạnh đó, Văn bản khai nhận di sản được thực hiện trong trường hợp “Người duy nhất được hưởng di sản theo pháp luật hoặc những người cùng được hưởng di sản theo pháp luật nhưng thoả thuận không phân chia di sản đó có quyền yêu cầu công chứng văn bản khai nhận di sản”.

Tuy pháp luật đã có quy định về hình thức văn bản trong phân chia di sản thừa kế nhưng hình thức này chỉ được thực hiện ở các cơ quan có thẩm quyền công chứng và hiện nay trong thực tế chưa có nhiều người biết về hình thức văn bản này.

Bên cạnh đó, trong việc áp dụng hình thức văn bản trong việc phân chia di sản thừa kế hiện nay ở nhiều cơ quan hành pháp còn chưa thống nhất dù đã có quy định pháp luật cụ thể.

Theo bản án 85/2020/DS-PT ngày 24/06/2020<sup>2</sup> Của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về Hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và chia thừa kế. Nội dung vụ việc như sau: Ông Phan Văn B (chết năm 2000) và vợ là bà Nguyễn Thị N (chết năm 2010). Hai ông bà có 03 người con là: Phan Thị E, Phan Thị D, Phan Văn D và con riêng của ông B là bà Phan Thị G. Trong quá trình chung sống, ông B và bà N có tạo lập được khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất đối với mảnh đất có diện tích 2.407m<sup>2</sup>.

Sau khi ông B chết, các thành viên có họp và thống nhất mảnh đất sẽ do bà D được thay mặt quản lý, sử dụng các thửa đất cho đến khi bà N qua đời thì các thửa đất sẽ được chia đều cho các anh chị em theo quyền thừa kế được pháp luật quy định.

Sau đó, bà D soạn sẵn Tờ thỏa thuận phân chia di sản nộp tại Ủy ban nhân dân xã An H và yêu cầu bà E lên ký tên chứng thực văn bản thỏa thuận nói trên. Trong khi kí tên thì chỉ có bà G, bà D và bà E. Ông D và bà N không có mặt do bà E già yếu không đi được và ông D bị tâm thần nên không phải kí văn bản.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà D đã không thực hiện việc tách thửa giống như trong biên bản họp gia đình đã kí trước đó, do vậy đã xảy ra tranh chấp và bà E đã làm đơn kiện yêu cầu hủy bỏ Tờ thỏa thuận phân chia tài sản do bà D lập và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực đồng thời yêu cầu chia lại di sản thừa kế.

Sau quá trình xem xét tố tụng, Tòa sơ thẩm đã tuyên án đó là Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị E về việc hủy Tờ thỏa thuận phân

---

<sup>2</sup> Xem thêm tại: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-852020dspt-ngay-24062020-ve-huy-van-ban-thoa-thuan-phan-chia-tai-san-va-chia-thua-ke-136756>

chia tài sản do bà D lập đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực đồng thời yêu cầu chia lại di sản thừa kế.

Do không đồng ý với bản án của Tòa sơ thẩm, bà E đã tiếp tục khởi kiện và tại Tòa án phúc thẩm thì Tòa án đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị E về việc hủy Tờ thỏa thuận phân chia tài sản do bà D lập đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực đồng thời yêu cầu chia lại di sản thừa kế.

### **3.2.2. Bán di sản để chia theo quy định tại Khoản 2 Điều 660 BLDS 2015**

Theo quy định của BLDS thì có hai phương thức chia di sản thừa kế là chia di sản bằng giá trị và chia di sản bằng hiện vật. Tuy nhiên hình thức chia di sản bằng hiện vật được ưu tiên áp dụng. Vật tồn tại ở nhiều hình dạng và kết cấu khác nhau. Có những vật chia được nhưng cũng có những vật không thể chia đều được. Trong trường hợp vật không thể chia đều được thì theo quy định tại khoản 2 điều 660 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thoả thuận về việc định giá hiện vật, nếu không thoả thuận được thì được bán để chia.”* Nếu những người thừa kế đồng quan điểm hoặc có thể thoả thuận với nhau về người nào nhận vật, người nào nhận tiền hoặc là bán đi để cùng nhận tiền thì việc phân chia di sản sẽ diễn ra đơn giản hơn. Nhưng không phải trường hợp nào cũng có thể đạt được một sự thoả thuận mà giữa những người thừa kế còn có những bất đồng về ý kiến. Hiện vật là những tài sản mà khi còn sống người để lại di sản tạo ra, có những tài sản không chỉ có giá trị về mặt vật chất mà còn có giá trị về mặt tinh thần vì vậy biện pháp bán di sản để chia nên là biện pháp cuối cùng. Biện pháp này chỉ nên sử dụng khi bất đồng giữa những người thừa kế là quá lớn hay người muốn nhận hiện vật không có đủ khả năng thanh toán giá trị kỉ phần cho những người thừa kế.



Trường hợp này có thể xem thêm tại Bản án 406/2020/DS-ST<sup>3</sup> của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/11/2020 về tranh chấp thừa kế tài sản.

+ Người để lại di sản là ông Nguyễn Văn P và Phạm Thị N.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của ông P và bà N là: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị S.

+ Hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H là: Nguyễn Bá C, Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Bá L.

+ Xác định tài sản thừa kế là giá trị đất phải chia là 6.540.000.000 (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị S mỗi người được hưởng một suất thừa kế tương đương với số tiền là 2.180.000.000 (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu) đồng.

+ Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H gồm : ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Bá L mỗi người được nhận 1/5 suất thừa kế của ông H, cụ thể:  $2.180.000.000 : 5 = 436.000.000$  (Bốn trăm ba mươi sáu triệu) đồng Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản chia, giá trị tài sản phát mãi sau khi trừ giá trị xây cất nhà do phía Bị đơn được hưởng và các chi phí cho việc thi hành án số tiền còn lại được chia cho bà S, bà Q, ông H (do người thừa kế thế vị của ông H nhận) mỗi người 1/3 giá trị tài sản còn lại.

### **3.2.3. Thời điểm chia di sản thừa kế**

Thời điểm yêu cầu chia thừa kế là một nội dung quan trọng trong việc phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên trong quy định tại BLDS 2015 chỉ quy định về thời hiệu chia thừa kế chứ không quy định rõ thời điểm yêu cầu chia thừa kế. Trừ một số trường hợp hạn chế chia di sản thì theo quy định tại điều

---

<sup>3</sup> Xem thêm tại: <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-4062020dsst-ngay-11112020-ve-tranh-chap-thua-ke-tai-san-165958>

614 BLDS 2015 quy định: “ Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Theo đó, những người thừa kế có quyền yêu cầu chia tài sản từ thời điểm chia thừa kế. Cũng theo quy định tại điều 614 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là mười năm. Đây là một điểm không rõ ràng trong quy định của BLDS. Bởi lẽ trong thực tế có nhiều trường hợp tài sản chia thừa kế nằm trong quy hoạch và giải toả. Một câu hỏi đặt ra đối với Toà án khi giải quyết các vụ việc là cứ chia thừa kế trước sau đó đợi đền bù hay là cứ chia thừa kế luôn và chia bằng giá trị. Điều này đã dẫn đến khó khăn trong quá trình giải quyết các vụ án.

#### **3.2.4. Về phạm vi chia di sản**

Hiện nay cũng chưa có một quy định cụ thể nào về phạm vi chia di sản thừa kế. Khi chia di sản thừa kế đồng nghĩa với việc chia tất cả di sản để chia thừa kế cho tất cả những người thừa kế hoặc hạn chế chia di sản thì hạn chế đối với tất cả di sản. Tuy nhiên trên thực tế không phải người thừa kế nào cũng có ý định chia thừa kế tại thời điểm có người thừa kế khác yêu cầu. Trong tất cả các vụ án chia thừa kế thì khi một người thừa kế có yêu cầu chia di sản thừa kế thì toàn bộ tất cả di sản của những người để lại thừa kế sẽ được chia hết cho những người thừa kế. Nếu vì một lý do về mặt kinh tế hay tình cảm mà người thừa kế chưa muốn chia tài sản thì lúc này pháp luật cũng cần có quy định để tôn trọng quyết định này của họ.

#### **3.3. Những kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về di sản và phân chia di sản thừa kế**

Trên cơ sở phân tích những vướng mắc về việc xác định người thừa kế theo pháp luật, di sản thừa kế qua những vụ việc cụ thể và một số tổng tài phát sinh trong việc áp dụng pháp luật xung quanh vấn đề này cũng như tham khảo quy định tương ứng trong pháp luật của một số nước, tác giả xin được đưa ra một

số giải pháp, kiến nghị cụ thể để khắc phục những vướng mắc, góp phần hoàn thiện pháp luật về thừa kế theo pháp luật.

*Thứ nhất* :Về hình thức của văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế là bất động sản: Đây là văn bản ghi nhận sự thoả thuận của các bên vì vậy nhằm tránh sự giả tạo và thuận lợi trong việc phân chia di sản thừa kế thì cần quy định về hình thức của văn bản thoả thuận cần “ lập thành văn bản và có công chứng, chứng thực”, đối với những nơi khó khăn về địa lý cũng như kinh tế thì cần quy định một thời gian cụ thể để những người thừa kế thực hiện việc công chứng, chứng thực của văn bản này. Quy định này nhằm đảm bảo giá trị pháp lý cũng như tính xác thực của văn bản thoả thuận và khi đã công chứng, chứng thực văn bản thì cần đảm bảo các yêu cầu chung được quy định trong Luật Công chứng. Đặc biệt là những vụ việc chia thừa kế liên quan đến bất động sản thì việc công chứng văn bản thoả thuận này là một đảm bảo tránh gây ra những tranh chấp sau này và là căn cứ pháp luật để xác định chủ sở hữu bất động sản của những người thừa kế.

*Thứ hai*: Cần bổ sung thêm quy định về phạm vi chia thừa kế. Những người thừa kế có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tài sản đối với di sản của người chết để lại. Nếu đã có quyền yêu cầu chia tài sản thì cũng có quyền yêu cầu không chia phần tài sản thừa kế của mình. Vì vậy cần quy định: “Khi một người thừa kế có yêu cầu chia tài sản thừa kế thì phải thông báo với những người thừa kế khác biết. Nếu một hoặc một số người chưa muốn chia di sản thì xác định phần di sản của họ và giữ nguyên những phần di sản này. Tuy nhiên việc phân chia di sản thừa kế phải thực hiện khi còn thời hiệu chia di sản thừa kế.”

*Thứ ba*: Cần phải xây dựng khái niệm về di sản thừa kế là gì? Muốn chia được di sản thừa kế thì cần xác định trước hết di sản thừa kế là gì? Khi nào tài sản của một người sẽ trở thành di sản. Nếu không có một quy định cụ thể sẽ dẫn đến những cách hiểu không thống nhất của di sản thừa kế. Muốn xây dựng

được khái niệm của di sản thừa kế thì phải xét về bản chất pháp lý của di sản thừa kế từ khái niệm chung nhất của nó. Thấy được mối quan hệ của di sản thừa kế trong mối quan hệ về chủ sở hữu, về giá trị của tài sản, sự dịch chuyển quyền sở hữu của người chết cho những người có quyền hưởng di sản. Khi đã xây dựng được khái niệm về di sản thừa kế (khái niệm chung) thì trên cơ sở đó xác định được khái niệm riêng về các loại di sản: Di sản thờ cúng, di sản dành cho di tặng, di sản chia thừa kế.

*Thứ tư:* Bổ sung các quy định về quyền và nghĩa vụ của người được di tặng và thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với phần được hưởng di tặng. Hiện nay chưa có một quy định cụ thể nào quy định về thời điểm phát sinh quyền được hưởng di sản của họ. Những người được hưởng di tặng không phải là những người thừa kế nhưng họ cũng được hưởng di sản thừa kế do người chết để lại. Hơn nữa họ chỉ được hưởng di sản thừa kế từ thời điểm mở thừa kế. Vì vậy có thể xác định được thời điểm thực hiện quyền xác lập sở hữu của người được di tặng đối với tài sản di tặng là sau thời điểm mở thừa kế. Di sản dùng để di tặng mang một ý nghĩa rất lớn về mặt tình cảm của người chết đối với người được di tặng vì vậy bổ sung quy định về thời điểm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người được di tặng sẽ giúp cho việc thực hiện ý chí của người chết một cách rõ ràng hơn.

*Thứ năm:* Về thời điểm định giá di sản. Theo quy định của BLDS thì chia di sản thừa kế có hai cách chia là chia theo hiện vật và chia theo giá trị. Tuy nhiên trên thực tế thường áp dụng phương thức chia theo giá trị. Bởi lẽ không phải hiện vật nào cũng có thể dễ dàng phân nhỏ ra để chia. Vì vậy khi một người thừa kế được xác định nhận hiện vật thì phải thanh toán phần giá trị của di sản thừa kế cho những người thừa kế khác. Giá trị tài sản thì biến đổi theo thời gian có thể tăng lên hoặc cũng có thể là giảm xuống. Vậy thời điểm để định giá di sản thừa kế theo khoản 3 điều 659 Bộ Luật dân sự 2015 thì trong trường hợp di chúc xác định theo tỷ lệ thì “ tỷ lệ này được tính trên giá khối di

sản vào thời điểm phân chia”, trong trường hợp chia di sản thừa kế theo pháp luật mà những người thừa kế không thoả thuận được việc định giá hiện vật cũng như người nhận hiện vật thì hiện vật được bán để chia( khoản 2 điều 660 Bộ luật dân sự 2015). Tuy nhiên chưa có một thời điểm nào cụ thể về định giá tài sản đối với cả hai trường hợp chia theo pháp luật và chia theo di chúc. Vì vậy có quan điểm cho rằng thời điểm phân chia di sản thừa kế là ngày phân chia hoặc là ngày bản án, quyết định của Tòa án về việc phân chia di sản có hiệu lực pháp luật. Quan điểm này là phù hợp với thực tiễn, bởi vì nếu xác định được một mốc thời gian cụ thể thì sẽ xác định được giá trị tài sản chính xác hơn, trong trường hợp bán để chia thì giá của tài sản được xác định là giá tại ngày phân chia hoặc ngày quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực.

*Thứ sáu:* Khi có sự bất đồng giữa các đồng thừa kế và có người yêu cầu bán tài sản để chia thì Tòa án có thể quyết định giao cho người đòi chia một phần di sản bằng hiện vật, nếu hiện vật đó có thể tách được ra khỏi phần còn lại của di sản, hoặc bằng tiền nếu người đòi chia muốn nhận tiền. Còn nếu vật không chia được mà người đòi chia vẫn muốn nhận hiện vật, thì tốt nhất nên quyết định buộc đương sự phải nhận tiền : không nên áp dụng Bộ luật dân sự, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 bán hiện vật mà chia. Đây là giải pháp thích hợp nhất áp dụng dựa trên ý chí của những người thừa kế, vừa không để tài sản của gia đình thuộc về một người xa lạ vừa chia di sản một cách hợp tình và hợp lý hơn.

Tóm lại không có sự vật nào có thể hoàn hảo một cách tuyệt đối, hoàn hảo và được nhìn nhận một cách tương đối và tùy vào từng hoàn cảnh cụ thể. Những quy định của pháp luật cũng vậy. Cuộc sống xã hội luôn có nhiều thay đổi trong khi việc xây dựng các quy định pháp luật cần có thời gian để chuẩn bị vì vậy đôi khi pháp luật còn chưa kịp thời bổ sung những quy định mới. Tác giả đã đưa ra những kiến nghị riêng nhằm bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật trong giới hạn nghiên cứu.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Quan các số liệu thống kê của Tòa án cũng như qua việc đưa tin của các phương tiện truyền thông, có thể dễ dàng nhận thấy tranh chấp về thừa kế loại tranh chấp dân sự rất phổ biến ở Việt Nam và không có chiều hướng giảm. Thực tế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân bao gồm có nguyên nhân khách quan và chủ quan, từ cả phía cơ quan có thẩm quyền và nhận thức của công dân.... Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân, tác giả đã chỉ ra những vấn đề còn vướng mắc, hạn chế khi áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế theo pháp luật, Từ đó kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định trong BLDS về thừa kế theo pháp luật trên cơ sở bảo đảm tối đa và tối ưu quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Nội dung kiến nghị chủ yếu tập trung vào các quy định còn chung chung, có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến khó áp dụng trên thực tiễn. Mục tiêu cuối cùng hướng tới hoàn thiện hơn nữa các quy định về thừa kế theo pháp luật và các quy định này có khả năng thực thi cao.

## KẾT LUẬN

Chế định thừa kế là một chế định đã được ghi nhận từ rất sớm ở nước ta. Bộ luật Dân sự đã kế thừa và phát triển những quy định về thừa kế phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế và thay đổi của các quan hệ xã hội. Các quy định thừa kế trong Bộ luật Dân sự 2015 đã được xây dựng khá hoàn thiện, tuy nhiên trong thời kì hội nhập mở cửa nền kinh tế các quan hệ dân sự, quan hệ kinh tế trong đó quan hệ thừa kế cũng có nhiều thay đổi. Sự phù hợp của các quy định pháp luật chỉ mang tính tương đối tại một thời điểm nhất định và đến một thời điểm khác thì không còn phù hợp hoặc chưa có sự bổ sung kịp thời.

Phân chia di sản thừa kế là vấn đề được quan tâm hơn cả và chiếm tỉ lệ lớn trong các vụ án giải quyết tranh chấp về thừa kế. Các vụ án phân chia di sản thừa kế không chỉ ngày càng tăng về số lượng mà tính chất cũng ngày càng phức tạp hơn. Vì vậy tác giả nhận thấy đây là một mảng đề tài không mới nhưng cũng không bao giờ cũ, tạo ra một cái nhìn mới về phân chia di sản thừa kế. Chọn đề tài : “ Phân chia di sản thừa kế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” tác giả đã làm rõ được những vấn đề lý luận về: Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, phân chia di sản thừa kế theo di chúc, so sánh những điểm giống và khác nhau của hai trường hợp phân chia theo từng luận điểm. Hơn nữa qua sự tìm hiểu và nghiên cứu về lý luận và thực tiễn tác giả cũng nhận thấy nhiều điểm vướng mắc, bất cập trong quy định về phân chia di sản thừa kế của BLDS từ đó đưa ra được những kiến nghị của bản thân để hoàn thiện các quy định của pháp luật. Vấn đề thừa kế nói chung và thừa kế theo pháp luật nói riêng không phải là bản đề mới nhưng nói lại luôn mang tính chất thời sự và phát sinh nhiều tình huống mới. Do đó việc nghiên cứu và hoàn thiện các quy định về thừa kế theo pháp luật phải luôn được quan tâm và xem xét trong mối quan hệ qua lại với nhau, trong đó có việc phát sinh các mối quan hệ mới của đời sống xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Công chứng 2014
2. Bộ luật Dân sự 2015
3. Bộ luật Dân sự 2005
4. Bộ luật Dân sự 1995
5. Bộ luật Dân sự Bắc kì 1931
6. Bộ luật Dân sự Trung kì 1936
7. Luật Hôn nhân và Gia đình 2014
8. Thông tư số 81/ TANDTC ngày 24/07/1981 hướng dẫn về giải quyết tranh chấp về thừa kế.
9. T.S Đỗ Văn Đại, *Luật thừa kế Việt Nam - Bản án và bình luận bản án. Tập 2*, NXB Chính trị quốc gia, 2013.
10. T.S Nguyễn Ngọc Điện , *Một số suy nghĩ về thừa kế trong Luật Dân sự Việt Nam*, NXB Trẻ, TP HCM, 1999.
11. Bộ Giáo Dục và Đào tạo, *Đại từ điển Tiếng Việt*. NXB Văn Hoá – Thông tin, 1999
12. T.S Trần Thị Huệ, *Di sản thừa kế theo pháp luật Dân Sự Việt Nam- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp, 2011.
13. Viện Khoa học pháp lý, *Bình luận khoa học Bộ Luật Dân sự 2005*, NXB Chính trị quốc gia, 2010.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội , *Giáo trình luật Dân sự Việt Nam. Tập 1*, NXB Công an nhân dân, 2009.
15. T.S Phùng Trung Tập, *Luật thừa kế Việt Nam*. NXB Hà Nội, 2008.
16. T.S Phạm Văn Tuyết, *Thừa kế - Quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng*, NXB Chính trị quốc gia, 2007.
17. T.S Nguyễn Minh Tuấn , *Pháp luật về thừa kế của Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lao Động xã hội, 2009.



18. Đoàn Thị Vân Anh (2012), *Phân chia di sản thừa kế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
19. T.S Trần Thị Huệ (2007), *Di sản thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam. Luận án tiến sĩ luật học*, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
20. T.S Phùng Trung Tập (2002), *Thừa kế theo pháp luật của công dân Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Luận án tiến sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thu Thủy (2011), *Di sản thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
22. Vũ Lê Thu Trang(2011), *Thanh toán và phân chia di sản thừa kế*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
23. Báo cáo tổng kết ngành toà án năm 2012. Toà án Nhân dân Tối cao.